

CÔNG TY CỔ PHẦN MARUICHI SUN STEEL

☪☪☪☪



KẾ HOẠCH
ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN MARUICHI
SUN STEEL

**ĐỊA CHỈ: ĐT 743, KHU PHỐ ĐÔNG TÁC,
PHƯỜNG TÂN ĐÔNG HIỆP, TP DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

THÁNG 05-2023

MỤC LỤC

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH	5
1. Đặc điểm tình hình có liên quan đến chất thải	5
1.1. Vị trí địa lý:	5
1.2. Các đối tượng tự nhiên – kinh tế xã hội tại khu vực.....	6
2. Tính chất, quy mô đặc điểm của cơ sở.....	7
2.1. Quy trình công nghệ sản xuất thép ống:	8
2.2. Quy trình công nghệ sản xuất thép ống 16 inch như sau:	10
2.3. Quy trình tẩy rửa tole.....	11
2.4. Quy trình cán nguội tole.....	13
2.5. Quy trình tráng kẽm.....	14
2.6. Quy trình sản xuất tole mạ màu.....	19
3. Lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó sự cố chất thải hiện có của cơ sở, gồm:.....	21
3.1. Nguồn lực tại chỗ.....	21
3.2. Phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố.....	22
3.3. Nguồn lực có thể huy động bên ngoài	24
4. Dự kiến các khu vực nguy cơ cao:	25
5. Kết luận	26
II. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN ỨNG PHÓ	26
1. Tư tưởng chỉ đạo	26
2. Nguyên tắc ứng phó.....	26
3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả.....	27
3.1. Biện pháp phòng ngừa.....	27
3.2. Biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả.....	41
4. Tổ chức sử dụng lực lượng.....	45
III. DỰ KIẾN TÌNH HUỐNG, BIỆN PHÁP XỬ LÝ	49
1. Tình huống	49
1.1. Tình huống về nước thải.....	49
1.2. Tình huống về bụi và khí thải:	50
1.3. Tình huống về chất thải nguy hại.....	52
2. Biện pháp xử lý:	53
2.1. Xử lý tình huống sự cố nước thải:	53
2.2. Xử lý tình huống sự cố khí thải:	59
2.3. Xử lý tình huống sự cố chất thải nguy hại:	63

IV. NHIỆM VỤ CỦA CÁC BỘ PHẬN	67
1. Nhiệm vụ chung:	67
2. Nhiệm vụ cụ thể:	67
V. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM.....	69
1. Thông tin liên lạc.....	69
2. Bảo đảm trang thiết bị ứng phó sự cố chất thải.....	71
3. Bảo đảm vật chất cho đơn vị tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả	71
4. Tổ chức y tế, thu dung cấp cứu người bị nạn	71
VI. TỔ CHỨC CHỈ HUY	71
1. Vị trí chỉ huy thường xuyên	71
2. Vị trí chỉ huy tại hiện trường	72

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tọa độ các điểm mốc của nhà máy	5
Bảng 2: Các khu vực lân cận	6
Bảng 3: Quy mô, công suất sản phẩm của nhà máy.....	7
Bảng 4: Ban chỉ huy điều hành ứng phó sự cố của Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel	21
Bảng 5: Danh sách đội ứng phó sự cố chất thải	21
Bảng 6: Danh sách thiết bị ứng phó sự cố nước thải.....	22
Bảng 7: Danh sách thiết bị ứng phó sự cố khí thải.....	23
Bảng 8: Danh sách ứng phó sự cố chất thải	23
Bảng 9: Danh sách các nguồn lực có thể huy động bên ngoài tham gia ứng phó sự cố	24
Bảng 10: Tổng hợp các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải.	25
Bảng 11: Kế hoạch đào tạo diễn tập	27
Bảng 12: Kế hoạch kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các nguồn có nguy cơ xảy ra sự cố nước thải	29
Bảng 13: Kế hoạch kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các nguồn có nguy cơ xảy ra sự cố bụi và khí thải	31
Bảng 14: Các hạng mục tận dụng và xây mới hồ sự cố nước thải	40
Bảng 15: Lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải của công ty	46
Bảng 16: Hướng dẫn ứng phó sự cố nước thải.....	55
Bảng 17: Hướng dẫn ứng phó sự cố khí thải.....	60
Bảng 18: Hướng dẫn ứng phó sự cố chất thải	64
Bảng 19: Danh sách thông tin liên lạc khi xảy ra sự cố được thể hiện trong bảng sau:.....	69

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STNMT	Sở Tài nguyên và môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
HT	Hệ thống
HTXL	Hệ thống xử lý
HTXLKT	Hệ thống xử lý khí thải
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
UPSC	Ứng phó sự cố
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
GDDH	Giám đốc điều hành
CTNH	Chất thải nguy hại

CÔNG TY CP MARUICHI
SUN STEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/KH- UPSC-2023

Dĩ An, ngày 04 tháng 05 năm 2023

KẾ HOẠCH **ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI CỦA** **CÔNG TY CỔ PHẦN MARUICHI SUN STEEL**

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tình hình có liên quan đến chất thải

1.1. Vị trí địa lí:

Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel có địa chỉ tại ĐT743, khu phố Đông Tác, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với diện tích sử dụng 294.315,7 m² (đã trừ đi diện tích hành lang bảo vệ đường bộ). Khu đất của nhà máy có các vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Đông tiếp giáp với khu dân cư.

Phía Tây tiếp giáp đường sắt Bắc – Nam và khu dân cư.

Phía Nam tiếp giáp với khu dân cư.

Phía Bắc tiếp giáp với quốc lộ ĐT743 và đối diện qua đường là Công ty TNHH điện tử ASTI

Tọa độ các điểm mốc khu đất Dự án được trình bày như sau:

Bảng 1: Tọa độ các điểm mốc của nhà máy

Điểm mốc	X (m)	Y (m)
1	1206881,238	530117,619
2	1206805,293	530090,427
3	1206852,628	529958,523
4	1206881,902	529849,579
5	1206759,951	529822,272
6	1206790,248	529704,329
7	1206773,245	529704,286
8	1206785,351	529662,310
9	1206559,709	529505,825
10	1206472,562	529960,582

Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải

Điểm mốc	X (m)	Y (m)
11	1206362,553	529959,309
12	1206379,250	530484,433
13	1206544,287	530479,841
14	1206552,192	530518867
15	1206564,204	530514,896
16	1206771,241	530109,345
17	1206868,186	530137,590



Vị trí của nhà máy sản xuất công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel

1.2. Các đối tượng tự nhiên – kinh tế xã hội tại khu vực

Bảng 2: Các khu vực lân cận

STT	Đối tượng	Khoảng cách từ Nhà máy đến các đối tượng	Ghi chú
I	Dân cư, hành chính		
1	Trung tâm Y tế thành phố Dĩ An	Cách tường bao 200 m hướng Đông Nam	
2	Dân cư xung quanh nhà máy	Cách tường bao khoảng 20 m các hướng đều có Nhà dân	
II	Các nhà máy, doanh nghiệp		
1	Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp B	Cách 3 km hướng Đông Đông Bắc	

2	Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A	Cách 1 km hướng Đông Nam	
3	Công ty TNHH Điện tử Asti	Cách 300 m hướng Đông Bắc	

2. Tính chất, quy mô đặc điểm của cơ sở

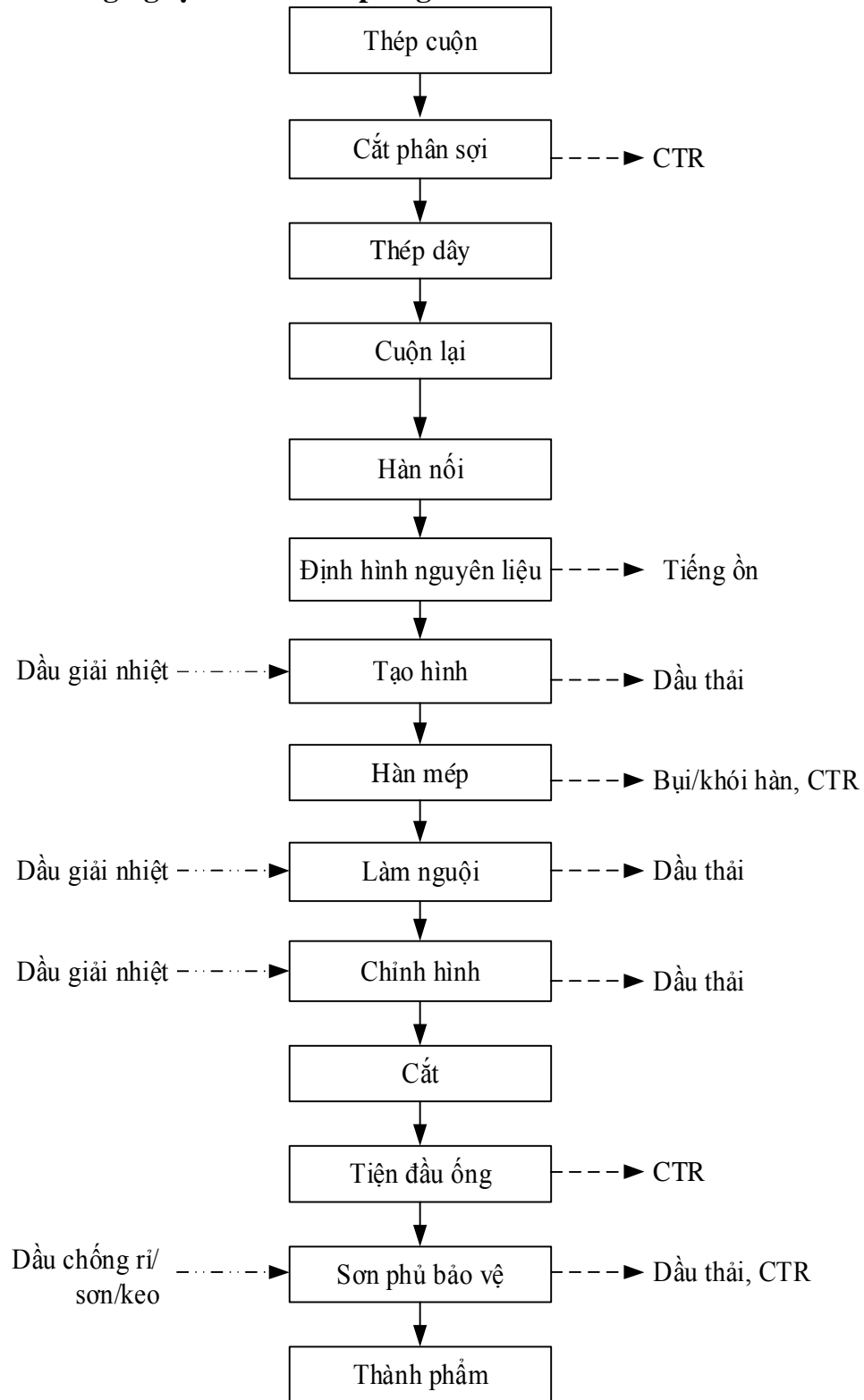
Hiện tại, toàn nhà máy có 9 xưởng sản xuất, có chức năng sản xuất ra các sản phẩm khác nhau cung cấp cho thị trường. Các sản phẩm chính của nhà máy bao gồm: tole tráng kẽm, tole mạ màu, thép ống, thép ống vuông hoặc ống tròn 16 inch. Quy mô công suất, sản lượng hiện tại được mô tả trong Bảng 3

Bảng 3: Quy mô, công suất sản phẩm của nhà máy

Stt	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất đăng ký theo ĐTM	Sản lượng năm 2022
1	Tole tráng kẽm (xưởng CGL1)	Tấn	378.000	56.549
2	Tole tráng kẽm (xưởng CGL2)	Tấn		113.034
3	Tole mạ màu (xưởng CCL2)	Tấn	144.000	66.578
4	Thép ống (xưởng PIM1-7)	Tấn	36.000	24.279
5	Thép ống 16 inch (xưởng 16 inch)	Tấn	120.000	12.392

Quy trình sản xuất các sản phẩm hiện hữu của công ty như sau:

2.1. Quy trình công nghệ sản xuất thép ống:



Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu sử dụng cho sản xuất thép ống là thép cuộn, thép cuộn có chiều rộng từ 0,914 – 1,5 m được nạp vào bàn cắt để cắt thành sợi với kích thước nhỏ hơn từ 0,05 – 0,355 m phù hợp với quá trình sản xuất thép ống.

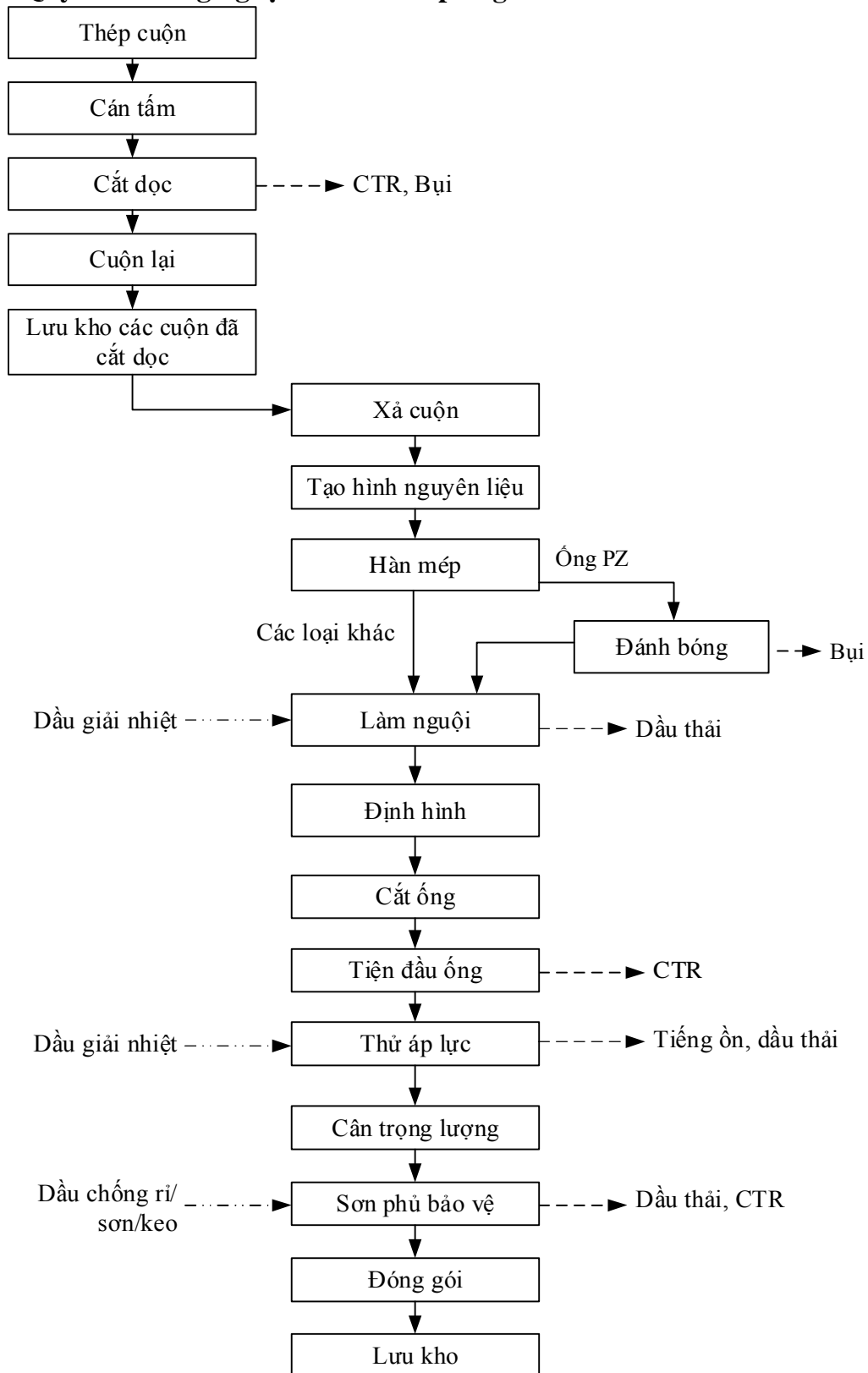
Sau công đoạn cắt phân sợi, các thanh thép được chuyển qua hệ thống cuộn thép tự động để cuộn thành những cuộn thép dây và đưa sang khu vực sản xuất thép ống.

Những cuộn thép dây từ công đoạn xả cuộn sẽ được chuyển sang công đoạn chế ống. Thép dây được uốn lại và sau đó sẽ qua máy hàn bút mối nối. Mối hàn được bào gọt để đảm bảo có độ láng tại các điểm nối, sau đó nguyên liệu sẽ tiếp tục qua thiết bị giữ nguyên liệu để các dây thép không bị biến đổi hình dạng, dầu giải nhiệt được phun vào nguyên liệu với mục đích làm nguội các dây thép trước khi qua hệ thống tạo hình theo các hình dạng khác nhau (hình tròn, hình vuông). Sau khi được định hình, sản phẩm được cắt rời trước khi đưa vào khâu tiện đầu ống. Thành phẩm được sơn phủ bảo vệ (tùy vào đơn hàng sản xuất sử dụng phủ dầu (sử dụng dầu chống rỉ - VBC Rustop P-320NV), sơn hoặc keo (sử dụng Nippon 1000 Fast drying clear, CT-E346KXV-50, CT-381V30F (60)V)) để bảo quản trước khi đóng gói đem đi tiêu thụ hoặc lưu kho. Toàn bộ dây chuyền sản xuất thép ống hoàn toàn tự động và công nhân tiến hành điều chỉnh chế độ vận hành tại các máy điều khiển.

Trong quá trình sản xuất thép ống chủ yếu phát sinh dầu thải, chất thải rắn, bụi tuy nhiên không đáng kể, tiếng ồn và biện pháp xử lý giảm thiểu như sau:

- Dầu thải phát sinh tại các công đoạn tạo hình, làm nguội, chỉnh hình, sơn phủ bảo vệ.
- Chất thải rắn phát sinh tại các công đoạn cắt phân sợi, hàn mép, tiện đầu ống và sơn phủ bảo vệ.
- ➔ Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo đúng quy định.
- Bụi tại công đoạn hàn mép nguyên liệu ➔ Hệ thống xử lý bụi tại dây chuyền sản xuất thép ống số 1 (KT09) và 3 (KT10).
- Tiếng ồn ➔ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, bố trí thời gian làm việc thích hợp,...

2.2. Quy trình công nghệ sản xuất thép ống 16 inch như sau:



Thuyết minh quy trình:

Thép cuộn có chiều rộng từ 1,2 – 1,5 m được cán tấm rồi nạp vào bàn cắt để cắt thành sợi với kích thước nhỏ hơn phù hợp với quá trình chế ống tròn, ống vuông kích thước 16”.

Sau công đoạn cắt, các thanh thép được chuyển qua hệ thống cuộn thép tự động. Sản phẩm cuối là những cuộn thép dây.

Những cuộn thép dây từ công đoạn phân sợi sẽ được chuyển sang công đoạn chế ống. Tùy theo yêu cầu của khách hàng, nguyên liệu sau khi phân sợi sẽ được đưa vào tạo hình thành ống tròn hoặc ống vuông, ống hình chữ nhật.., sau đó ống được hàn bằng máy hàn tự động. Mỗi hàn được bào gọt để đảm bảo có độ láng tại các điểm nối.

Sau khi đã tạo thành ống sẽ được làm nguội bằng dầu giải nhiệt trước khi đưa vào khâu định hình sản phẩm. Riêng sản xuất ống PZ thì ống sẽ chuyển qua khâu mài bóng, tiếp theo ống sẽ được làm nguội bằng dầu giải nhiệt trước khi đưa vào khâu định hình sản phẩm.

Sau khi sản phẩm được cắt thành những ống thép có chiều dài thích hợp, ống sẽ được chuyển qua khâu tiện đầu ống, thử áp lực và cân trọng lượng. Sau đó thành phẩm được sơn phủ bảo vệ (tùy vào đơn hàng sản xuất phủ dầu/phủ sơn, keo; sử dụng dầu chống rỉ - VBC Rustop P-320NV), sơn (sử dụng Nippon 1000 Fast drying clear, Dairust K-330) trước khi đóng gói đem đi tiêu thụ hoặc lưu kho. Toàn bộ dây chuyền sản xuất thép ống 16 inch hoàn toàn tự động và công nhân tiến hành điều chỉnh chế độ vận hành tại các máy điều khiển.

Trong quá trình sản xuất thép ống 16 inch chủ yếu phát sinh dầu thải và chất thải rắn, bụi tuy nhiên không đáng kể, tiếng ồn và biện pháp xử lý giảm thiểu như sau:

- Dầu thải phát sinh tại các công đoạn làm nguội, thử áp lực, sơn phủ bảo vệ.

- Chất thải rắn phát sinh tại các công đoạn cắt dọc và tiện đầu ống.

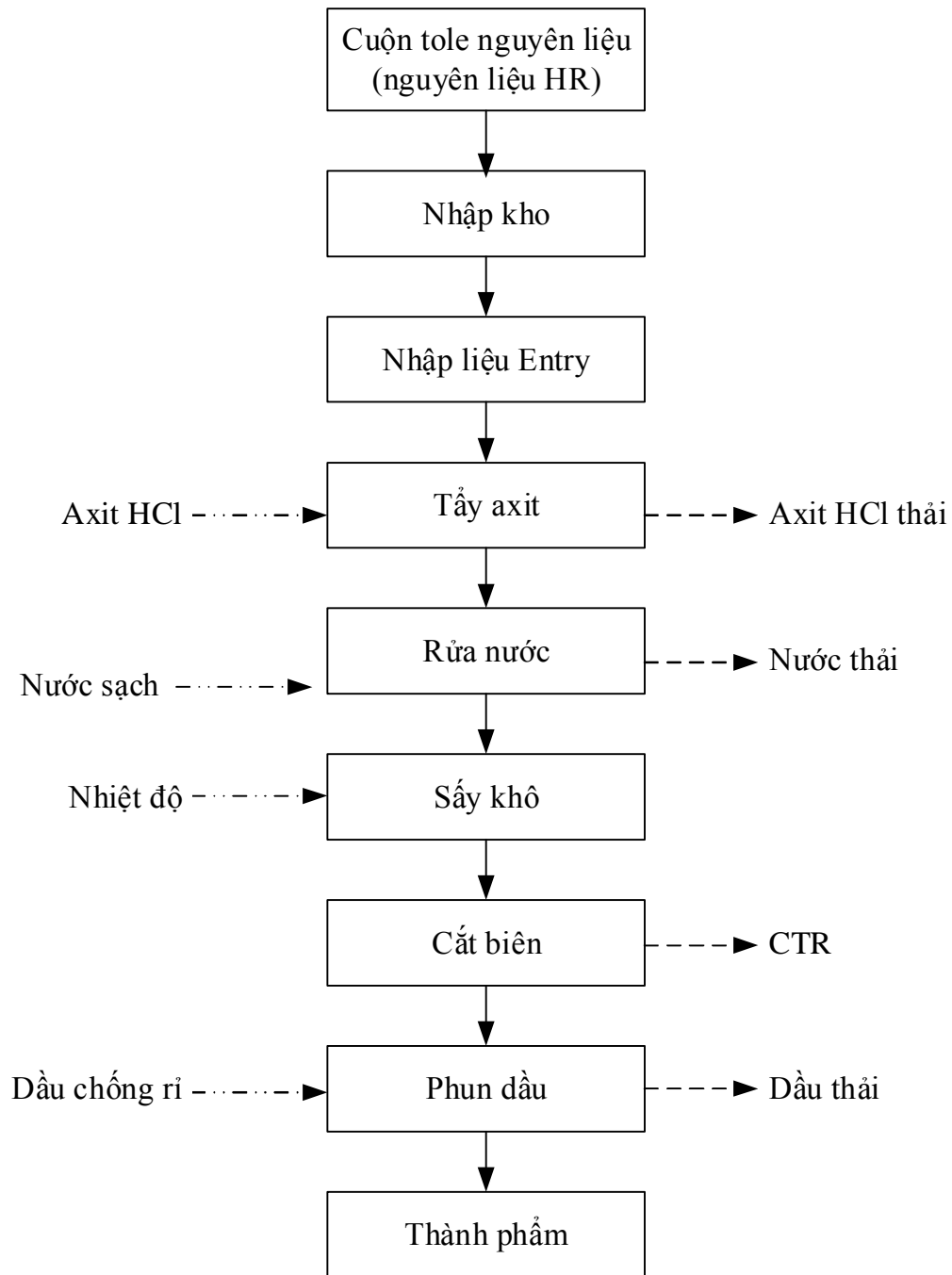
➔ Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Bụi tại công đoạn cắt dọc, đánh bóng ➔ Phát sinh không đáng kể, thông thoáng nhà xưởng.

- Tiếng ồn ➔ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, bố trí thời gian làm việc thích hợp,...

2.3. Quy trình tẩy rửa tole

Để cấp liệu cho quá trình sản xuất tole tráng kẽm và tole mạ màu thì cuộn tole nguyên liệu nhập về sẽ được tẩy gỉ sét trên tole và sau đó cán mỏng (cán nguội) để đạt được độ mỏng mong muốn trước khi đưa sang khu vực sản xuất tole tráng kẽm. Quy trình tẩy rửa tole như sau:



Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu chính là sắt cuộn HR được nhập khẩu. Khi đến phân xưởng thì tiến hành nhập kho. Nguyên liệu được đặt trên dàn nhập liệu (Entry) và thao tác cuộn đến công đoạn tẩy axit để làm sạch rỉ sét bám trên bề mặt tole nguyên liệu bằng axit HCl 18%. Sau khi tẩy axit, cuộn tole nguyên liệu sẽ được đưa sang bể nước sạch để rửa lại bằng nước rạch, sau đó được chuyển qua công đoạn sấy khô (nhiệt độ được cấp từ lò hơi sử dụng khí gas LPG làm nhiên liệu đốt). Tole sau khi sấy được cắt biên. Cuối cùng là phun dầu chống rỉ sét (VBC Rustop P-320V) và lưu kho cho công đoạn sản xuất tiếp theo. Toàn bộ

quy trình tẩy rửa tole hoàn toàn tự động và công nhân tiến hành điều chỉnh chế độ vận hành tại các máy điều khiển.

Trong quá trình tẩy rửa tole chủ yếu phát sinh axit thải tại công đoạn tẩy axit, nước thải tại công đoạn rửa nước, dầu thải tại công đoạn phun dầu và chất thải rắn tại các công đoạn cắt biên.

Biện pháp xử lý giảm thiểu như sau:

- Axit tại công đoạn tẩy axit

→ Axit thu về hệ thống tái tuần hoàn tái sinh axit (ARP) →

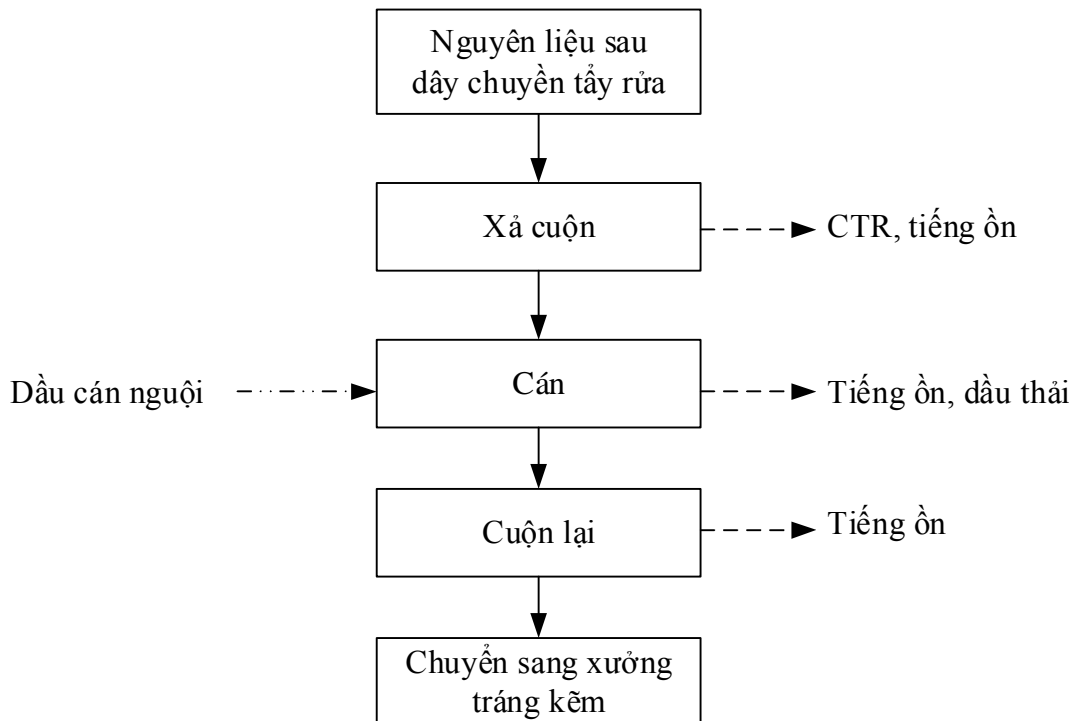
→ Hơi axit từ dây chuyền tẩy rửa axit → Hệ thống xử lý hơi axit, công suất 2.500 m³/giờ (KT04).

- Nước thải tại công đoạn rửa nước → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 700 m³/ngày.đêm (HTXLNT số 2).

- Dầu thải và chất thải rắn → Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

2.4. Quy trình cán nguội tole

Nguyên liệu nhập về là sắt cuộn HR được nhập khẩu từ bên ngoài về có độ dày, do vậy cần cán cuộn nguyên liệu để có được độ dày phù hợp với sản phẩm tole sẽ sản xuất (mỏng hơn so với cuộn nguyên liệu ban đầu) sau khi đã tẩy rửa tole. Quy trình cán nguội như sau:



Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu là cuộn tôn đã được tẩy rửa ở dây chuyền tẩy rửa axit sẽ được đưa vào trục máy cán để xả cuộn. Tại đây cuộn tôn sẽ được xả thành băng tôn để đưa vào công đoạn cán. Máy căng băng tôn có nhiệm vụ tạo lực căng cho băng tôn để giá cán đảo chiều tiến hành cán băng tôn đạt độ dày theo yêu cầu (độ dày được kiểm soát bằng bộ phận cảm biến). Công nghệ trục cán dạng cố chai, cho phép dịch chuyển trục trực tiếp khi đang hoạt động nhờ hệ thống điều khiển online, quá trình cán sẽ làm cho sản phẩm có độ dày ổn định cao, hạn chế trường hợp giãn biên, giãn bụng. Tùy theo độ dày của sản phẩm đầu ra, đặc trưng độ cứng của nguyên liệu mà máy cán sẽ được điều chỉnh độ rộng của các trục cán và lực cán cho phù hợp. Quá trình cán tôn có sử dụng dầu cán nguội (Quakerol SJSC 1.0), dầu này sẽ được lọc loại bỏ cặn và cho tái sử dụng lại, cặn loại bỏ được thu gom như chất thải nguy hại. Băng tôn đạt yêu cầu sẽ được tang cuốn cuộn, cuốn lại thành cuộn. Cuộn tôn cán nguội sau đó sẽ được chuyển qua xưởng tráng kẽm để phủ lớp kẽm lên thành tole tráng kẽm và đưa qua xưởng tole mạ màu. Toàn bộ quy trình cán nguội tole hoàn toàn tự động và công nhân tiến hành điều chỉnh chế độ vận hành tại các máy điều khiển.

Trong quá trình cán nguội tole chủ yếu phát sinh dầu thải tại công đoạn cán, chất thải rắn tại các công đoạn xả cuộn. Ngoài ra, tiếng ồn phát sinh tại công đoạn xả cuộn và cuộn tole lại.

Biện pháp xử lý giảm thiểu như sau:

- Hơi dầu

➔ Hệ thống xử lý hơi dầu – xưởng cán nguội 1, công suất 120.000 m³/giờ (KT02).

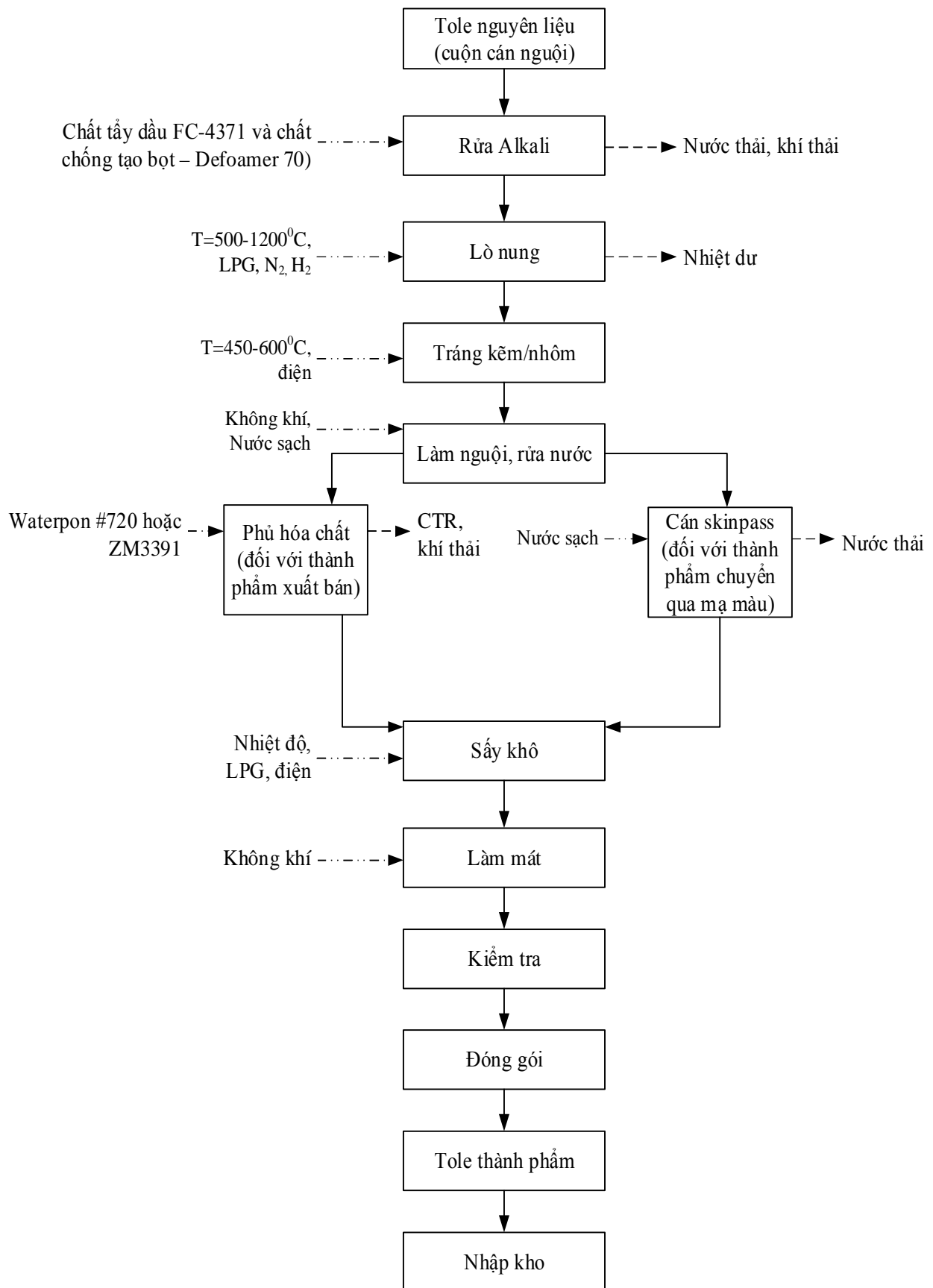
➔ Hệ thống xử lý hơi dầu – xưởng cán nguội 2, công suất 150.000 m³/giờ (KT08).

➔ Thu hồi dầu thải ➔ Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn ➔ Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Tiếng ồn ➔ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, bố trí thời gian làm việc thích hợp,...

2.5. Quy trình tráng kẽm



Thuyết minh quy trình:

* Nguyên liệu của quá trình sản xuất tole tráng kẽm (Zn) và mạ lạnh (55% Al-Zn) là thép cuộn sau khi đã qua xử lý từ phân xưởng tẩy rửa và cán nguội.

* Tẩy rửa Alkali: tole nguyên liệu được xử lý bề mặt bằng cách rửa alkali trước khi qua công đoạn nung. Hóa chất để tẩy rửa là chất tẩy dầu FC-4371 và chất chống tạo bọt.

* Nung: công nghệ nung mà nhà máy sử dụng là công nghệ nung không oxy hóa (NOF), đây là một dạng lò công nghiệp phức hợp gồm nhiều phần, có tác dụng nung nhiệt độ băng tôn lên tới nhiệt độ chuyển pha của kim loại, có 2 tác dụng:

Đốt hết các phần dầu cán, dầu bay hơi hay các rỉ sắt nếu có trên bề mặt kim loại.

Chuyển pha kim loại để thay đổi cơ tính sản phẩm theo mong muốn.

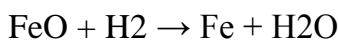
Hoạt động của lò NOF sẽ bao gồm 3 công đoạn như nung không oxy hóa, ủ không oxy hóa và làm nguội không oxy hóa. Các công đoạn như sau:

Nung không oxy hóa:

Công đoạn này sẽ nâng nhiệt độ của băng tôn từ 35°C lên 280°C, sau đó lên 650°C. Nhiên liệu cấp cho công đoạn này là khí LPG. Phần sấy nóng dùng công nghệ tái sử dụng nhiệt, trong đó phần nhiên liệu chưa đốt hết hoàn toàn ở buồng lò phía sau (NOF) được đưa về để tận dụng lại nhằm nâng cao hiệu suất nhiệt của lò và đốt sạch phần gas thừa, chống xảy ra hiện tượng cháy nổ. Tại đây sẽ đốt cháy lớp dầu mỡ còn bám trên bề mặt băng tôn đồng thời tạo một lớp vảy oxy hóa trên bề mặt băng tôn, tạo điều kiện cho phản ứng hoàn nguyên sắt trở lại cho các công đoạn tiếp theo.

Ủ không oxy hóa:

Vai trò của công đoạn này là hoàn nguyên sắt, tạo thành lớp sắt nguyên chất gần như tuyệt đối, đồng đều trên bề mặt băng tôn, tạo tiền đề cho việc kết dính giữa lớp mạ và thép nền. Ngoài ra, công đoạn ủ kết hợp với làm nguội, làm thay đổi cơ tính của thép nền và chuyển từ thép cứng sang thép mềm khác nhau. Phản ứng hoàn nguyên như sau:



Làm nguội không oxy hóa:

Vai trò của công đoạn này như sau:

- Công đoạn làm nguội không oxy hóa là công đoạn nhiệt luyện quan trọng kết hợp với giữ nhiệt nhằm tạo ra sản phẩm thép có độ cứng khác nhau (kiểm soát tốc độ lớn lên của các hạt để kiểm soát độ cứng của thép nền).

- Giảm nhiệt độ của băng tôn một cách từ từ, chống sốc nhiệt gây nứt và gãy băng tôn (giảm từ 700°C xuống 600°C).

- Kiểm soát nhiệt độ băng tôn một cách chính xác và đúng bằng nhiệt độ của hợp kim lỏng trong chảo mạ để tạo nên lớp mạ kết dính tốt đồng thời chống sốc nhiệt với chảo mạ, gây nổ chảo mạ.

Do đó, công nghệ này đang được đánh giá là công nghệ tiên tiến hiện nay, hạn chế vấn đề phát sinh khí thải gây ô nhiễm môi trường.

* Tráng kẽm: sau khi qua lò nung, tole nguyên liệu sẽ được tráng lớp kẽm Zn ở nhiệt độ khoảng 450°C hoặc lớp hợp kim 55% Al-Zn (đối với mạ lạnh) ở nhiệt độ khoảng 600°C, thép đã hoàn nguyên sẽ kết hợp với kim loại nóng chảy trong bể mạ để tạo ra lớp hợp kim Al-Zn-Fe phủ bên ngoài băng tôn. Độ dày của lớp mạ trên băng tôn được định hình bằng dao gió (sử dụng khí nén để thổi lên bề mặt băng tôn, sau khi băng tôn đi qua bể mạ).

* Làm nguội, rửa nước: tiếp đến, tole sẽ được làm nguội bằng không khí thông qua các quạt làm mát và được rửa lại với nước để giải nhiệt xuống gần bằng nhiệt độ môi trường.

* Cán Skinpass (xử lý bề mặt): dành cho sản phẩm tiếp tục chuyển qua dây chuyền mạ màu. Mục đích cán phẳng lớp mạ, làm láng bề mặt và tạo độ nhám để tăng độ bám sơn khi mạ màu.

* Phủ hóa chất: dành cho thành phẩm xuất bán

- Đối với tole tráng kẽm (Zn): hóa chất ZM3391 (dung dịch hỗn hợp kim loại) & hóa chất Non-Chromate.

- Đối với tole mạ lạnh (55% Al-Zn): hóa chất chống bám vân tay Waterpon #720 (LC, Gold, Blue).

* Sấy khô & làm mát:

- Đối với Xưởng CGL1: tại công đoạn sấy khô nhiệt độ được cấp từ lò hơi sử dụng khí gas LPG làm nhiên liệu đốt và làm mát bằng không khí.

- Đối với Xưởng CGL2: sử dụng nhiệt lượng từ điện trở và làm mát bằng không khí.

* Cuối cùng, tole sẽ qua công đoạn kiểm tra thành phẩm, đóng gói và nhập kho.

Toàn bộ quy trình tráng kẽm hoàn toàn tự động và công nhân tiến hành điều chỉnh chế độ vận hành tại các máy điều khiển.

Trong quá trình tráng kẽm chủ yếu phát sinh nước thải, khí thải, chất thải rắn, tiếng ồn, nhiệt dư và biện pháp xử lý giảm thiểu như sau:

- Nước thải phát sinh tại công đoạn rửa Alkali và cán skinpass (đối với thành phẩm chuyển qua sản xuất tole mạ màu) → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 700 m³/ngày.đêm (HTXLNT số 2).

- Khí thải phát sinh tại công đoạn rửa Alkali và phủ hóa chất (đối với thành phẩm xuất bán ra ngoài)

→ Hệ thống xử lý xử lý hơi hóa chất phát sinh trong quá trình tẩy rửa alkali của xưởng tole tráng kẽm 1, công suất quạt hút 30.000m³/giờ, (KT05).

→ Hệ thống xử lý xử lý hơi hóa chất phát sinh trong quá trình tẩy rửa alkali của xưởng tole tráng kẽm 2, công suất quạt hút 30.000m³/giờ, (KT06).

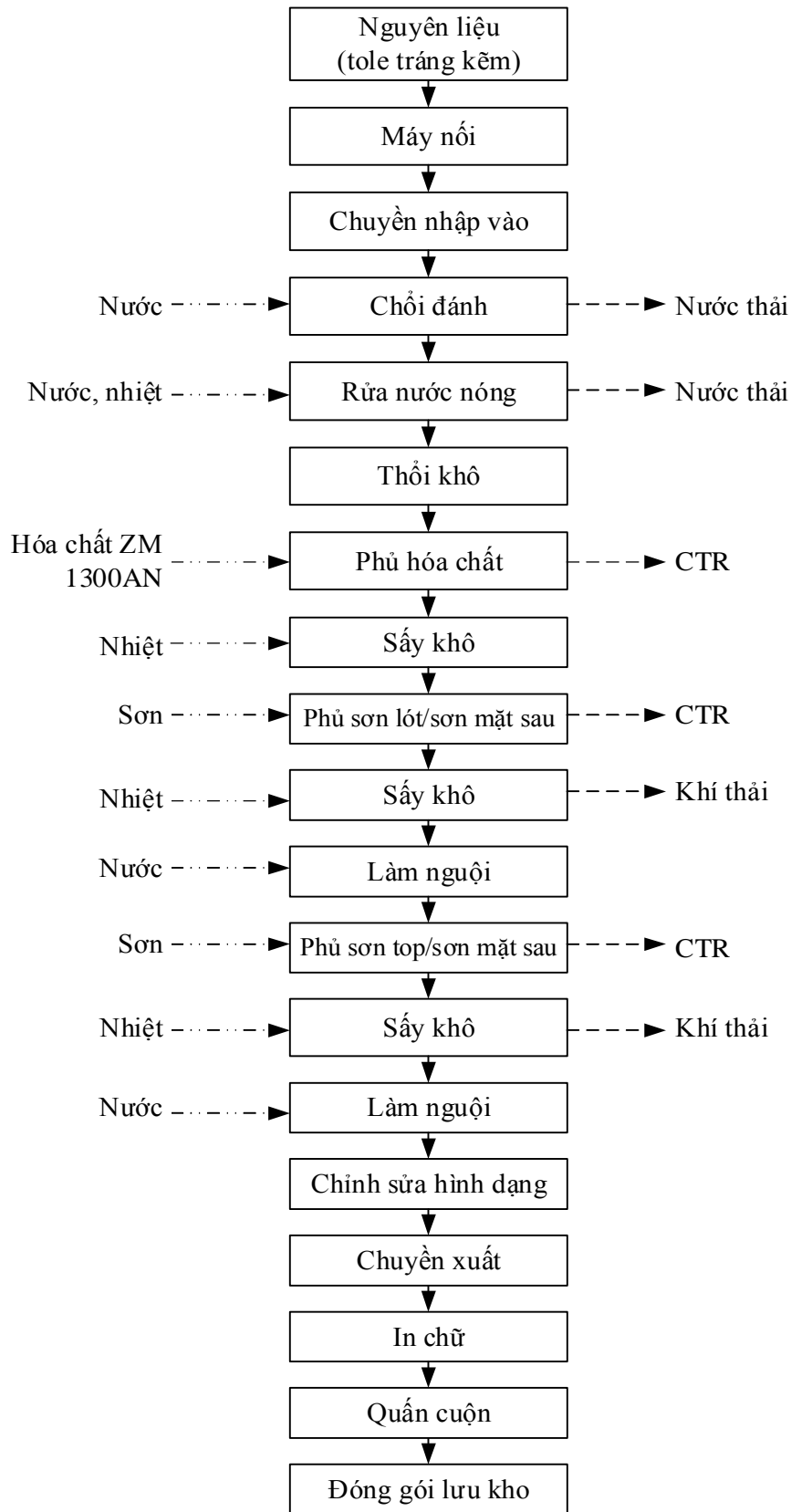
- Khí thải phát sinh tại công đoạn phủ hoá chất → Hệ thống xử lý xử lý hơi crom phát sinh từ bể phủ crom của xưởng tole tráng kẽm 2, công suất quạt hút 9.000 m³/giờ (KT07).

- Chất thải rắn phát sinh tại công đoạn phủ hóa chất (đối với thành phẩm xuất bán ra ngoài).

- Nhiệt dư tại công đoạn nung → thông thoáng nhà xưởng.

- Tiếng ồn → Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, bố trí thời gian làm việc thích hợp,...

2.6. Quy trình sản xuất tole mạ màu



Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất tole mạ màu là thép cuộn sau khi đã qua xử lý tẩy rửa và cán nguội từ phân xưởng tole cán nguội, tẩy rửa tole và mạ một lớp kẽm/nhôm kẽm lên trên bề mặt.

Nguyên liệu tole sau khi tráng kẽm/nhôm được đưa vào dây chuyền mạ màu bằng hệ thống băng chuyền. Công đoạn đầu trong dây chuyền sản xuất tole mạ màu là làm sạch bề mặt nguyên liệu trước khi mạ bằng chổi đánh và rửa lại bằng nước nóng.

Sau công đoạn làm sạch bề mặt. Để bảo vệ bề mặt tole không bị ôxy hóa và tăng độ kết dính với lớp sơn, tole sẽ được phủ qua lớp acid Cromic (ZM1300AN) và sấy ở nhiệt độ 120 – 150°C (nhiệt độ được cấp từ lò hơi sử dụng khí gas LPG làm nhiên liệu đốt).

Sau đó, tole sẽ được làm mát thông qua sự trao đổi nhiệt ở vị trí Cooling roll trước khi chuyển vào phòng sơn. Tầm tole sẽ được phủ sơn lên bề mặt lớp sơn lót, sơn mặt chính, sơn mặt sau (Sơn (Beckry Coat) và dung môi (Beckry Thin)). Sau khi sơn, sản phẩm sẽ được sấy khô ở nhiệt độ 200-350°C (Nhiệt độ sấy tùy thuộc vào độ dày của tole và tốc độ dây chuyền và nhiệt độ được cấp từ lò hơi sử dụng khí gas LPG làm nhiên liệu đốt). Khí thải từ phòng sơn, sấy sẽ được hút và đưa về lò đốt dung môi (Gọi tắt là lò RTO) để loại bỏ hơi dung môi, nhiệt độ sinh ra trong quá trình đốt hơi dung môi sẽ được thu hồi 1 phần thông qua bộ trao đổi nhiệt để đưa trở lại lò sấy, phần còn lại sẽ thoát ra ngoài qua ống thải.

Sau khi sấy, sản phẩm được làm nguội bằng nước. Sau đó sản phẩm sẽ được qua công đoạn chỉnh sửa hình dạng và theo băng chuyền đi vào khu vực in chữ để in logo công ty và số lô sản xuất,... Cuối cùng, tole được quấn cuộn, đóng gói và lưu kho.

Toàn bộ quy trình tẩy rửa tole hoàn toàn tự động và công nhân tiến hành điều chỉnh chế độ vận hành tại các máy điều khiển.

Trong quá trình sản xuất tole mạ màu chủ yếu phát sinh nước thải, khí thải, chất thải rắn, tiếng ồn cụ thể:

- Nước thải phát sinh tại công đoạn làm sạch bề mặt tole (chổi đánh, rửa nước nóng) → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 700 m³/ngày.đêm (HTXLNT số 2).
- Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn sơn, sấy sau khi phủ sơn tole → Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ công đoạn sơn, sấy sau khi phủ sơn tole - xưởng tole mạ màu 2, công suất 96.000m³/giờ.
- Chất thải rắn phát sinh tại công đoạn phủ hóa chất, phủ sơn → Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Tiếng ồn → Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên, bố trí thời gian làm việc thích hợp,...

3. Lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó sự cố chất thải hiện có của cơ sở, gồm:

3.1. Nguồn lực tại chỗ

a. Ban chỉ huy điều hành ứng phó sự cố chất thải của Công ty

Công ty đã thành lập Ban chỉ huy để điều hành chỉ đạo ứng phó khi có sự cố xảy ra như sau:

Bảng 4: Ban chỉ huy điều hành UPSC của Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel

Stt	Tên	Giới tính	Chức vụ	Chức danh trong Ban chỉ huy UPSC	Số điện thoại
1	Nakahori Masaru	Nam	Tổng giám đốc	Trưởng ban	0933869108
2	Motoyama Toshiatsu	Nam	Phó tổng giám đốc sản xuất	Phó ban	0933382076
3	Wakabayashi Hisamoto	Nam	Giám đốc điều hành ban MAD	Thành viên	0901680856
4	Lê Quang Trung	Nam	Trưởng phòng SHE	Thành viên	0933678570
5	Võ Tấn Hưng	Nam	Trưởng phòng MMS	Thành viên	0989181738

b. Đội ứng phó sự cố chất thải

Cán bộ, nhân viên của Công ty là những người trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và được trang bị những kiến thức nghiệp vụ, được đào tạo, huấn luyện về ứng phó sự cố sẽ được lập thành một đội với tên gọi “**Đội ứng phó sự cố chất thải**”. Đội ứng phó sự cố của Công ty đã được xây dựng dựa trên tình hình hoạt động, công tác quản lý của nhà máy như sau:

Bảng 5: Danh sách đội ứng phó sự cố chất thải

Stt	Tên	Giới tính	Chức vụ	Chức danh trong Đội UPSC	Số điện thoại	Bộ phận
1	Trịnh Ngọc Giang	Nam	Nhân viên	Đội trưởng	0972081147	SHE
2	Lê Đình Biên	Nam	Nhóm trưởng	Đội phó	0978321587	MMS
3	Đỗ Anh Tiên	Nam	Nhân viên	Đội phó	0978535749	SHE

Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải

Stt	Tên	Giới tính	Chức vụ	Chức danh trong Đội UPSC	Số điện thoại	Bộ phận
4	Nguyễn Vũ Linh	Nam	Nhân viên	Đội phó	0867891419	MMS
5	Nguyễn Thanh Tâm	Nam	Tổ trưởng	Đội phó	0919684890	EMS
6	Nguyễn Quốc Thắng	Nam	Nhân viên	Thành viên	0978235274	MMS
7	Đỗ Hoài Tâm	Nam	Nhân viên	Thành viên	0949443672	MMS
8	Đoàn Vũ Trần Anh Khoa	Nam	Nhân viên	Thành viên	0937320321	MMS
9	Huỳnh Lê Trung	Nam	Phó phòng	Thành viên	0902751795	MMS
10	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	Tổ trưởng	Thành viên	0973201442	PIM1-2
11	Trần Huy Bình	Nam	Nhân viên	Thành viên	0379596026	PIM3-7
12	Vòng Thín Dưỡng	Nam	Nhân viên	Thành viên	0784810293	PIM3-7
13	Phạm Gia Bảo	Nam	Nhân viên	Thành viên	0359913998	PIM16''
14	Phạm Minh Đức	Nam	Nhân viên	Thành viên	0328260468	PIM16''
15	Hà Thúc Phong	Nam	Tổ trưởng	Thành viên	0933038026	CGL1
16	Nguyễn Sĩ Quyền	Nam	Tổ trưởng	Thành viên	0919251282	CGL2
17	Trịnh Văn Thuận	Nam	Nhân viên	Thành viên	0903124155	CRM1
18	Phan Hoàng Nam	Nam	Nhân viên	Thành viên	0388989619	CRM2
19	Lê Công Hàm	Nam	Nhân viên	Thành viên	0986530654	ARP
20	Cung Đình Toàn	Nam	Nhân viên	Thành viên	0368497939	PPPL
21	Lê Đại Phong	Nam	Nhân viên	Thành viên	0378165123	CCL2
22	Đỗ Phú Cường	Nam	Y sĩ	Thành viên	0795935699	ADM Y Tế
23	Phạm Thanh Hùng	Nam	Đội trưởng Bảo vệ	Thành viên	0903624247	Bảo vệ

3.2. Phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố

a. Phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố nước thải

Bảng 6: Danh sách thiết bị ứng phó sự cố nước thải

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Vị trí bố trí
1	Hồ sự cố	Cái	3	HT XLNT
2	Bơm dự phòng (bơm chìm)	Cái	2	HT XLNT
3	Val điện	Cái	1	HT XLNT
4	Ổ cắm điện	Cái	1	HT XLNT
5	Sensor pH	Cái	3	HT XLNT

Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải

6	Máy thổi khí dự phòng	Cái	3	HT XLNT
7	Bơm định lượng hóa chất dự phòng	Cái	1	HT XLNT
8	Motor khuấy	Cái	2	HT XLNT
9	Bơm bùn	Cái	1	HT XLNT
10	Xèng	Cái	2	HT XLNT
11	Phuy cát	Phuy	1	HT XLNT
12	Bao tay cao su chống hóa chất	Đôi	3	HT XLNT
13	Ủng	Đôi	3	HT XLNT
15	Mặt nạ chống độc	Cái	2	HT XLNT

b. Phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố khí thải

Bảng 7: Danh sách thiết bị ứng phó sự cố khí thải

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Vị trí bố trí
1	Bảo hộ chống hóa chất	Bộ	15	HTXLKT
2	Mặt nạ phòng độc	Bộ	15	HTXLKT
3	Quạt thổi công nghiệp	Cái	130	Các xưởng
4	Máy đo khí cầm tay	Cái	3	CGL1, CGL2, CCL2

c. Phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố chất thải

Bảng 8: Danh sách ứng phó sự cố chất thải

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Vị trí bố trí
1	Bao tay chống hóa chất	Đôi	15	Kho chất thải
2	Quần áo chống hóa chất	Cái	5	Kho chất thải
3	Ủng	Đôi	5	Kho chất thải
4	Mắt kính	Cái	4	Kho chất thải
5	Khẩu trang 3M	Cái	40	Kho chất thải
6	Mặt nạ phòng độc	Cái	5	Kho chất thải
7	Thùng cát	Phuy	1	Kho chất thải
8	Thùng chứa	Cái	6	Kho chất thải

Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải

9	Giẻ lau	Kg	10	Kho chất thải
10	Cone cảnh báo	Cái	5	Kho chất thải
11	Dây băng cảnh báo	Cuộn	2	Kho chất thải
12	Xẻng	Cái	2	Kho chất thải
13	Gáo	Cái	2	Kho chất thải
14	Bao nilon	Kg	5	Kho chất thải
15	Bao tải	Cái	10	Kho chất thải
16	Bơm chìm 1HP	Cái	1	Kho chất thải
17	Cuộn dây điện	Cái	1	Kho chất thải
18	Bông lọc thấm	Cuộn	1	Kho chất thải

3.3. Nguồn lực có thể huy động bên ngoài

Bảng 9: Danh sách các nguồn lực có thể huy động bên ngoài tham gia ứng phó sự cố

STT	Nguồn lực	Phương tiện phối hợp
I	Nhà cung ứng của công ty	
1	Nhà thầu thiết kế, thi công hệ thống xử lý nước thải	Các thiết bị cần thay thế, sửa chữa Nhân lực hỗ trợ tham gia ứng phó sự cố như bảo trì, sửa chữa, khắc phục sau sự cố
2	Nhà thầu thiết kế, thi công hệ thống xử lý khí thải	Các thiết bị cần thay thế, sửa chữa Nhân lực hỗ trợ tham gia ứng phó sự cố như bảo trì, sửa chữa, khắc phục sau sự cố
3	Các đối tác xử lý chất thải nguy hại cho công ty.	Các thiết bị, bồn chứa, xe vận chuyển chất thải về khu xử lý của các đơn vị
4	Bệnh viện Đa khoa quốc tế Hoàn Mỹ	Xe cấp cứu, các thiết bị sơ cấp cứu, thuốc Nhân viên y tế
II	Cơ quan nhà nước (hỗ trợ)	
1	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy – Dĩ An, Bình Dương	Xe chữa cháy, cứu nạn cứu hộ...
2	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương	Hỗ trợ phương án ứng phó khi có sự cố xảy ra...

3	Chi cục bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương	
4	UBND thành phố Dĩ An	
5	Điện lực Dĩ An	
6	Trung tâm y tế thành phố Dĩ An	

4. Dự kiến các khu vực nguy cơ cao:

Bảng 10: Tổng hợp các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải.

STT	Vị trí	Ký hiệu	Nguy cơ
I	Nước thải		
1	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất 700m ³ /ngđ	NT 1	Tràn đổ, rò rỉ nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Nước thải sau xử lý không đạt QCVN
2	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 100m ³ /ng.đ	NT 2	Tràn đổ, rò rỉ nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Nước thải sau xử lý không đạt QCVN
3	Hệ thống thu gom, đấu nối nước thải	-	Rò rỉ đường ống
II	Khí thải		
1	Hệ thống thu hồi tái sinh axit ARP	KT 1	Phát tán, rò rỉ hơi, mùi HCl chưa qua xử lý ra môi trường
2	Hệ thống xử lý hơi dầu cán nguội - xưởng cán nguội 1	KT 2	Phát tán, rò rỉ hơi, mùi dầu chưa qua xử lý ra môi trường
3	Hệ thống xử lý khí thải lò sấy - xưởng mạ màu số 2	KT 3	Phát tán, rò rỉ hơi, mùi dung môi chưa qua xử lý ra môi trường
4	Hệ thống hấp thụ axit - dây chuyền tẩy rửa axit PPPL	KT 4	Phát tán, rò rỉ hơi, mùi HCl chưa qua xử lý ra môi trường
5	Hệ thống xử lý khí thải công đoạn tẩy rửa alkali - xưởng tráng kẽm 1	KT 5	Phát tán, rò rỉ hơi, mùi hóa chất chưa qua xử lý ra môi trường
6	Hệ thống xử lý khí thải tẩy rửa alkali - xưởng tráng kẽm 2	KT 6	Phát tán, rò rỉ hơi, mùi hóa chất chưa qua xử lý ra môi trường
7	Hệ thống xử lý khí thải hơi crom - xưởng tráng kẽm 2	KT 7	Phát tán, rò rỉ hơi, mùi crom chưa qua xử lý ra môi trường

STT	Vị trí	Ký hiệu	Nguy cơ
8	Hệ thống xử lý hơi dầu cán nguội - xưởng cán nguội 2	KT 8	Phát tán, rò rỉ hơi, mùi dầu chưa qua xử lý ra môi trường
9	Hệ thống xử lý bụi – máy chế ống số 1 - Xưởng thép ống	KT 9	Phát tán, rò rỉ bụi chưa qua xử lý ra môi trường
10	Hệ thống xử lý bụi – máy chế ống số 3 - Xưởng thép ống	KT 10	Phát tán, rò rỉ bụi chưa qua xử lý ra môi trường
III	Chất thải		
1	Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại (kho chất thải)	CTNH	Tràn đổ, rò rỉ chất thải nguy hại ra nền đất, mương thoát nước...

Sơ đồ các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải được đính kèm trong phần phụ lục.

5. Kết luận

Với các nguồn lực được trang bị tại công ty như: lực lượng, phương tiện, dụng cụ ứng phó... về cơ bản công ty đủ khả năng đáp ứng, xử lý các sự cố chất thải có quy mô cấp cơ sở.

Trong trường hợp các sự cố chất thải vượt quá tầm kiểm soát, công ty sẽ liên lạc và yêu cầu hỗ trợ từ các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan.

II. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN ỨNG PHÓ

1. Tư tưởng chỉ đạo

“Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả”.

2. Nguyên tắc ứng phó

- Tích cực phòng ngừa, chủ động xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các nguồn lực, các phương án hiệp đồng để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố chất thải.
- Duy trì ứng trực 24/24, chủ động ứng phó, báo cáo kịp thời.
- Chủ động phối hợp, huy động mọi nguồn lực để phòng ngừa, ứng phó, không để bị động, bất ngờ.
- Phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó sự cố chất thải.

- Tổ chức, cá nhân gây sự cố chất thải chịu trách nhiệm chi trả chi phí tổ chức ứng phó sự cố, cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác do sự cố gây ra theo quy định của pháp luật.

3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả

3.1. Biện pháp phòng ngừa

3.1.1 Tổ chức quan trắc môi trường:

- Thực hiện quan trắc định kỳ các nguồn phát sinh nước thải, khí thải theo quy định.

- Công khai kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục và phiếu kết quả quan trắc định kỳ theo quy định (bao gồm so sánh với giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đã được cấp phép)

3.1.2 Đào tạo, diễn tập ứng phó sự cố:

Để chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn đổ chất thải, công ty sẽ lên kế hoạch và tiến hành các hoạt động đào tạo và tập huấn như sau:

Bảng 11: Kế hoạch đào tạo diễn tập

Đối tượng	Số người	Nội dung tập huấn	Tần suất	Nơi tổ chức
ĐÀO TẠO BÊN NGOÀI				
Ban chỉ huy ứng phó sự cố, Đội ứng phó sự cố tràn đổ chất thải	Tất cả thành viên	Tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy	01 lần /năm	Cảnh sát phòng cháy chữa cháy Công an tỉnh Bình Dương
		Tập huấn về công tác an toàn lao động	01 lần /năm	Sở Lao động – Thương binh và xã hội
		Tập huấn về công tác ứng phó sự cố hóa chất	01 lần /năm	Sở Công thương tỉnh Bình Dương
ĐÀO TẠO NỘI BỘ				
Thành viên Đội ứng phó sự cố tại các bộ phận	Tất cả thành viên trong đội	Tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy	01 lần /năm	Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel
		Tập huấn về công tác ứng phó sự cố hóa chất	01 lần /năm	Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel
		Tập huấn về công tác ứng phó sự cố tràn đổ chất thải	01 lần / năm	Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel

Ngoài ra, khi có các chương trình đào tạo, tập huấn các nội dung về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, ứng phó sự cố hóa chất, ứng phó sự cố tràn đổ chất thải, tập

huấn về công tác sơ cấp cứu do các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tổ chức, công ty sẽ cử cán bộ có chức năng tham dự.

Định kỳ 01 năm một lần Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel sẽ tổ chức tự diễn tập Ứng phó sự cố tràn đổ chất thải theo các tình huống giả định đã đề ra.

3.1.3 Kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng

Để phòng ngừa các thiết bị, máy móc hư hỏng...có thể gây ra sự cố tràn đổ, rò rỉ chất thải ra ngoài môi trường, công ty đã lập kế hoạch kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng định kỳ, nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các sự cố có thể xảy ra như sau:

a. Kế hoạch kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đối với hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 12: Kế hoạch kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các nguồn có nguy cơ xảy ra sự cố nước thải

Stt	Khu vực kiểm tra	Tần suất và trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng		Nội dung kiểm tra, bảo trì - bảo dưỡng	Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng
		Tần suất	Trách nhiệm		
I	Kế hoạch kiểm tra				
1	Hệ thống thu gom – đầu nổi nước thải	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLNT	Kiểm tra giám sát các đường ống thu gom, mương thoát nước xung quanh Kiểm tra hoạt động của các bơm. Kiểm tra rò rỉ xung quanh hồ thu gom. Tủ điều khiển của trạm bơm. Lưu lượng nước vào HTXL.	Checklist kiểm tra HT thu gom NT
2	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLNT	Các máy móc, thiết bị của hệ thống có hoạt động bình thường hay không? Các thông số vận hành trạm XLNT. Lưu lượng nước thải đầu vào.	Nhật ký vận hành hệ thống XLNT
3	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLNT	Các máy móc, thiết bị của hệ thống có hoạt động bình thường hay không? Các thông số vận hành trạm XLNT. Lưu lượng nước thải đầu vào. Các thông số chất lượng nước thải đầu ra.	Nhật ký vận hành hệ thống XLNT
4	Hồ sự cố	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLNT	Kiểm tra tình trạng hồ có bị thấm, nứt, rò rỉ. Kiểm tra tình trạng hoạt động của bơm. Kiểm tra mực nước trong hồ	Checklist kiểm tra HT thu gom NT

Stt	Khu vực kiểm tra	Tần suất và trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng		Nội dung kiểm tra, bảo trì - bảo dưỡng	Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng
		Tần suất	Trách nhiệm		
II	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng				
1	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất 700m ³	Hàng tháng/ Hàng quý/ Hàng năm	Nhân viên MMS	Máy thổi khí Bơm nước thải Motor và hộp số Đồng hồ đo lưu lượng Bộ điều khiển đo pH Máy ép bùn băng tải Thiết bị đo áp lực Bồn lọc áp lực	Bảng kiểm tra
2	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 100m ³	Hàng tháng	Nhân viên MMS	Máy thổi khí Bơm nước thải Bơm bùn Đường ống, val, co,...	Bảng kiểm tra

b. Kế hoạch kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đối với hệ thống xử lý khí thải:

Bảng 13: Kế hoạch kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các nguồn có nguy cơ xảy ra sự cố bụi và khí thải

Stt	Khu vực kiểm tra	Tần suất và trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng		Nội dung kiểm tra, bảo trì - bảo dưỡng	Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng
		Tần suất	Trách nhiệm		
Hệ thống thu hồi, tái sinh axit ARP					
I	Kế hoạch kiểm tra				
1	Motor bơm hấp thụ tẩy rửa và bơm tách lọc	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLKT	Tiếng ồn, độ rung có bất thường không Khớp nối cao su Bạc đạn	Bảng kiểm tra
2	Bồn hấp thụ tẩy rửa và bồn tách lọc	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLKT	Kiểm tra mức đo nước có ổn định không	
3	Các van tự động cấp và xả nước cho bồn hấp thụ tẩy rửa và tách lọc hệ thống	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLKT	Van đóng, mở có đúng vị trí không, có hoạt động ổn định không.	
II	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng				
1	Các béc phun nước bồn hấp thụ tẩy rửa và tách lọc	06 tháng /lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vệ sinh các béc phun Thay thế (nếu có hư hỏng)	Bảng kiểm tra

Stt	Khu vực kiểm tra	Tần suất và trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng		Nội dung kiểm tra, bảo trì - bảo dưỡng	Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng
		Tần suất	Trách nhiệm		
2	Bảo dưỡng vệ sinh hạt nhựa	01 năm/ lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vệ sinh, rửa bụi bám trên các hạt nhựa	
3	Motor quạt hút hơi acid. Motor bồn hấp thụ tách lọc và tẩy rửa hơi acid.	03 tháng/ lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Kiểm tra bơm mỡ bò Siết bulong Thay ron (nếu có hư hỏng)	
Hệ thống xử lý hơi axit dây chuyền tẩy rửa - PPPL					
I	Kế hoạch kiểm tra				
1	Motor bơm hấp thụ	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLKT	Tiếng ồn, độ rung có bất thường không Khớp nối cao su Bạc đạn	Bảng kiểm tra
2	Bồn hấp thụ	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLKT	Kiểm tra mức đo nước có ổn định không	
3	Các van tự động cấp và xả nước cho bồn hấp thụ	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLKT	Van đóng, mở có đúng vị trí không, có hoạt động ổn định không.	
II	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng				

Stt	Khu vực kiểm tra	Tần suất và trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng		Nội dung kiểm tra, bảo trì - bảo dưỡng	Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng
		Tần suất	Trách nhiệm		
1	Các béc phun nước bồn hấp thụ	06 tháng /lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vệ sinh các béc phun Thay thế (nếu có hư hỏng)	Bảng kiểm tra
2	Hệ thống lọc quạt hút	06 tháng /lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vệ sinh lọc hệ thống quạt hút	
3	Motor quạt hút hơi acid và motor bồn hấp thụ hơi acid	03 tháng/ lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Kiểm tra bơm mỡ bò Siết bulong Thay ron (nếu có hư hỏng)	
Hệ thống xử lý hơi dầu Xưởng cán nguội 1					
I	Kế hoạch kiểm tra				
1	Hệ thống xử lý hơi dầu	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLKT	Dây curoa có hoạt động tốt hay không? Quạt hút có chạy bình thường hay không?	Bảng kiểm tra
II	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng				
1	Hệ thống xử lý hơi dầu	6 tháng/lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vệ sinh lọc hơi dầu Vệ sinh, bơm mỡ bò bạc đạn motor, quạt hút. Thay dây curoa	Bảng kiểm tra
Hệ thống xử lý hơi dầu Xưởng cán nguội 2					
I	Kế hoạch kiểm tra				

Stt	Khu vực kiểm tra	Tần suất và trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng		Nội dung kiểm tra, bảo trì - bảo dưỡng	Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng
		Tần suất	Trách nhiệm		
1	Motor quạt chính	Hàng tuần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Tiếng ồn bất thường Khớp nối cao su Bạc đạn	Bảng kiểm tra
2	Bộ lọc hơi dầu	Hàng tuần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Rò rỉ dầu xung quanh	
II	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng				
1	Motor quạt chính	1 tháng/lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Bơm mỡ bôi bạc đạn cánh quạt	Bảng kiểm tra
		3 tháng/lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vòi phun	
2	Bộ lọc hơi dầu	3 tháng/lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Cánh tản hơi Inox Tấm lọc lưới Inox Béc phun hơi nóng	
Hệ thống xử lý hơi hóa chất khu rửa Alkali – Xưởng tráng kẽm 1					
I	Kế hoạch kiểm tra				
1	Buồng lọc	Hàng tuần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Rò rỉ nước	Bảng kiểm tra
II	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng				

Stt	Khu vực kiểm tra	Tần suất và trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng		Nội dung kiểm tra, bảo trì - bảo dưỡng	Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng
		Tần suất	Trách nhiệm		
2	Motor quạt hút	1 tháng/lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Bơm mỡ bạc đạn cánh quạt	Bảng kiểm tra
Hệ thống xử lý hơi hóa chất khu rửa Alkali – Xưởng tráng kẽm 2					
I	Kế hoạch kiểm tra				
1	Tháp rửa khí	Hàng tuần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Điều kiện cấp nước Điều kiện chảy tràn Rò rỉ nước	Bảng kiểm tra
2	Quạt thông gió	Hàng tháng	Nhân viên vận hành HTXLKT	Tình trạng quá tải Tiếng ồn Độ rung	
3	Bơm tuần hoàn	Hàng tuần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Rò rỉ nước hay không?	
II	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng				
1	Tháp rửa khí	6 tháng/ lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vòi phun Vệ sinh bồn tuần hoàn	Bảng kiểm tra
2	Quạt thông gió	6 – 12 tháng/ lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vệ sinh motor quạt thông gió Ổ trục, bạc đạn	

Stt	Khu vực kiểm tra	Tần suất và trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng		Nội dung kiểm tra, bảo trì - bảo dưỡng	Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng
		Tần suất	Trách nhiệm		
3	Bơm tuần hoàn	6 tháng/ lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vệ sinh bạc đạn, bơm mỡ bò	
Hệ thống xử lý công đoạn phủ crom – Xưởng tráng kẽm 2					
I	Kế hoạch kiểm tra				
1	Bồn FUME	Hàng tuần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Các điều kiện chảy tràn Rò rỉ nước	Bảng kiểm tra
2	Quạt hút	1-3 tháng /lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Bơm mỡ bò bạc đạn Ổ trục	
		6 tháng /lần			
2	Bơm tuần hoàn	Hàng tuần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Rò rỉ nước	
II	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng				
1	Bồn FUME	6 tháng /lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vòi phun	Bảng kiểm tra
2	Quạt hút	1 tháng /lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Bơm mỡ bạc đạn	

Stt	Khu vực kiểm tra	Tần suất và trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng		Nội dung kiểm tra, bảo trì - bảo dưỡng	Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng
		Tần suất	Trách nhiệm		
3	Bơm tuần hoàn	1 tháng /lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Motor và bạc đạn	
		6 tháng /lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Bơm mỡ bò bạc đạn Motor Cánh quạt	
Hệ thống xử lý khí thải lò sấy hơi dung môi RTO - Xưởng mạ màu 2					
I	Kế hoạch kiểm tra				
1	HTXLKT	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLKT	Đường ống dẫn khí và các xilanh Kiểm tra dây curoa các quạt hút Kiểm tra van & đường ống gas Bạc đạn quạt hút	Bảng kiểm tra
II	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng				
1	HTXLKT	1 năm/lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Thay thế gạch chịu nhiệt trong lò Bảo dưỡng van an toàn Bơm mỡ bò bạc đạn, ắc xilanh Đầu đốt và các cây đo nhiệt độ Thay nhớt quạt hút khí thải	Bảng kiểm tra
Hệ thống xử lý bụi máy chế ống PIM1-3 - Xưởng thép ống					
I	Kế hoạch kiểm tra				
1	Tủ điện HTXLKT	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLKT	Motor bơm Val điện từ Công tắc điều khiển	Bảng kiểm tra hàng ngày hệ thống xử lý khí thải

Stt	Khu vực kiểm tra	Tần suất và trách nhiệm kiểm tra, bảo dưỡng		Nội dung kiểm tra, bảo trì - bảo dưỡng	Hồ sơ kiểm tra, bảo dưỡng
		Tần suất	Trách nhiệm		
2	Hệ thống hút	Hàng ngày	Nhân viên vận hành HTXLKT	Quạt hút Lọc túi vải Bạc đạn Đường ống hút Dây curoa	
II Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng					
1	Tủ điện	3 tháng/lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vệ sinh, kiểm tra bạc đạn, cánh quạt giải nhiệt motor. Vệ sinh, Kiểm tra ngoại quan	Bảng kiểm tra bảo dưỡng định kỳ - hệ thống xử lý khí thải
2	Hệ thống hút	3 tháng/lần	Nhân viên vận hành HTXLKT	Vệ sinh, kiểm tra bạc đạn (bơm mỡ bò) Vệ sinh (xịt bụi) túi lọc Vệ sinh đường ống Châm vòi bột Thay dây curoa	

c. Kế hoạch kiểm tra khu vực lưu trữ chất thải:

Bảng 13: Kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải nguy hại

Stt	Khu vực kiểm tra	Tần suất kiểm tra	Trách nhiệm kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Hồ sơ kiểm tra
1	Kho CTNH	Hàng ngày	Nhân viên phụ trách kho CTNH	Các thùng phuy chứa CTNH có bị rò rỉ, tràn đổ hay không. Nắp phuy chứa có được cố định chắc chắn hay không? Rãnh thu gom có đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ. Chất thải có được phân loại hay không?	Checklist kiểm tra kho CTNH

3.1.4. Xây dựng công trình phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

Hiện nay, công ty đã xây dựng hồ sơ cố có khả năng lưu chứa nước thải tối thiểu 2 ngày cho công trình xử lý nước thải công suất 700 m³/ngày.đêm, bằng các hạng mục tận dụng và xây mới như sau:

Bảng 14: Các hạng mục tận dụng và xây mới hồ sơ cố nước thải

Hạng mục	Thể tích (m ³)
Tận dụng lại các bể chứa của công trình xử lý nước thải công suất 200 m ³ /ngđ đã ngưng hoạt động	525
Tận dụng bể chứa nước PCCC đã ngưng hoạt động	200
Xây dựng thêm hồ sơ cố nước thải	675
Tổng	1.400



Hồ sơ cố 675 m³



Hồ sơ cố 525 m³



Hồ sơ cố 200 m³
Các hồ sơ cố nước thải

3.2. Biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả

3.2.1. Biện pháp ứng phó sự cố

➤ Sự cố nước thải

Huy động các lực lượng tại chỗ tham gia ứng phó sự cố kịp thời nhanh chóng (nhân viên làm việc tại khu vực/ vị trí xảy ra sự cố, đội ứng phó sự cố của công ty).

Sử dụng các thiết bị/ phương tiện nhanh chóng tham gia ứng phó sự cố. Nhanh chóng triển khai khoanh vùng ngăn chặn, hạn chế nước thải lan rộng (dùng bao cát, giẻ lau, bạt cửa để ngăn chặn dòng chảy). Sử dụng bơm hút, bồn chứa để thu hồi nước thải bị rò rỉ.

Đối với các sự cố nước thải liên quan đến hệ thống xử lý nước thải lập tức ngừng xả thải và bơm nước thải chuyển về các hồ sự cố chờ xử lý. Trong trường hợp sự cố kéo dài cần phải dùng các dây chuyền sản xuất có phát sinh nước thải cho đến khi sự cố được khắc phục hoàn toàn.

Các loại chất thải sau khi xử lý sự cố sẽ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý như CTNH

Kiểm tra lại lại công tác vận hành, tìm ra nguyên nhân để khắc phục. Nếu không xác định được nguyên nhân sẽ nhờ đơn vị lắp đặt hỗ trợ khắc phục.

➤ Sự cố về khí thải:

Tạm dừng hoạt động của dây chuyền xảy ra sự cố để ngăn chặn, dùng phát tán khí thải ra môi trường.

Dựa vào điều kiện kỹ thuật và khả năng của công ty tiến hành khắc phục các sự cố nằm trong khả năng xử lý.

Kiểm tra lại lại công tác vận hành, tìm ra nguyên nhân để khắc phục. Nếu không xác định được nguyên nhân sẽ nhờ đơn vị lắp đặt hỗ trợ khắc phục.

➤ Sự cố chất thải

Nhanh chóng thông báo và tiến hành khoanh vùng khu vực xảy ra sự cố, hạn chế chất thải lây lan rộng hoặc rò rỉ xuống mương thoát nước mưa.

Sử dụng các thiết bị/ phương tiện để thu gom chất thải (bơm hút, bồn chứa, giẻ lau...)

Vệ sinh khu vực sự cố và xử lý các chất thải sau khi ứng phó sự cố (Xử lý như CTNH).

3.2.2. Biện pháp khắc phục hậu quả

Sau khi thực hiện ứng phó sự cố tại hiện trường, chất thải không còn tràn đổ thì Trưởng ban Ban chỉ huy Đội ứng phó sự cố tuyên bố cho cơ sở và các đơn vị hỗ trợ biết sự cố đã hoàn toàn được kiểm soát và không có khả năng gây phát sinh sự cố thứ cấp tái phát trở lại để tiến hành các bước khắc phục sau sự cố như sau:

a. Biện pháp khắc phục nội bộ:

Bước 1: Đánh giá thiệt hại sau sự cố, tính toán chi phí xử lý; thực hiện công tác đền bù (nếu có)

Tiến hành điều tra nguyên nhân gây ra sự cố, đánh giá chất lượng môi trường do sự cố gây ra.

Thống kê các chi phí về phương tiện ứng phó, nhân lực và các chi phí thiệt hại về tài sản và con người, thanh toán các chi phí cho các bên có liên quan hỗ trợ ứng phó sự cố.

Tiến hành tính toán bồi thường các thiệt hại cho các đối tượng do sự cố gây ra.

Bước 2: Báo cáo kết thúc ứng phó sự cố tràn đổ chất thải

Sau khi các công tác ứng phó sự cố tràn đổ chất thải xử lý hoàn thành, Trưởng ban chỉ huy sẽ là người ra quyết định kết thúc hoạt động ứng phó sự cố.

Phòng an toàn môi trường sẽ kết hợp với Trưởng bộ phận báo cáo quá trình ứng phó và khắc phục sự cố tràn đổ chất thải gửi thông tin cho các bộ phận, đơn vị có liên quan. Nội dung báo cáo sự cố chất thải gồm các hạng mục sau:

- Thời gian xảy ra hoặc phát hiện sự cố;
- Vị trí sự cố
- Loại chất thải tràn đổ
- Ước tính khối lượng;
- Điều kiện thời tiết
- Các thông tin liên quan khác;
- Các hoạt động đã và dự kiến triển khai;
- Các yêu cầu, đề nghị trợ giúp, cứu hộ, ứng phó sự cố tràn đổ chất thải;

b. Phối hợp cơ quan chức năng để điều tra nguyên nhân, khắc phục và công tác bồi thường

Bước 1: Điều tra nguyên nhân

Mỗi một sự cố xảy ra phát sinh từ công ty đều phải được điều tra xem xét cẩn thận, tìm ra nguyên nhân để khắc phục và ngăn ngừa sự cố tái diễn.

Việc điều tra được bắt đầu từ ngay sự cố xảy ra và kết thúc trong thời hạn không quá 10 ngày.

Thành phần Đoàn điều tra (trường hợp sự cố cấp huyện) gồm có:

- Chủ trì điều tra: Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel, Phòng TN&MT thành phố, UBND phường Tân Đông Hiệp.

- Đơn vị giám định, lấy mẫu: yêu cầu phải có chức năng, nhiệm vụ trong hoạt động quan trắc môi trường.

- Tham gia điều tra có các phòng an toàn môi trường, bảo trì, bảo vệ và các cán bộ phụ trách vận hành Hệ thống xử lý chất thải có liên quan.

Kết quả điều tra phải được lập thành biên bản có đủ chữ ký của đại diện các thành phần trong đoàn điều tra, có chữ ký và đóng dấu của thủ trưởng đơn vị.

Bước 2: Công tác bồi thường

❖ Lập biên bản tại hiện trường và thu thập toàn bộ thông tin về sự cố

Phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành lập biên bản hiện trường giữa một bên là đại diện cơ quan nhà nước và một bên là Công ty nhằm ghi nhận chứng cứ ban đầu về sự cố, đặc biệt cần thu thập các thông tin cần thiết như:

- Tên, địa chỉ, số điện thoại, số Fax của cá nhân hay pháp nhân gây sự cố;
- Thời gian và địa điểm xảy ra sự cố;
- Lý do và tính chất của sự cố;
- Lượng và loại chất thải thoát ra môi trường;
- Các thiệt hại ban đầu có thể thấy được (chết người, cháy nổ...)

❖ Xây dựng và thu thập toàn bộ hồ sơ, mẫu vật liên quan

Công ty sẽ phối hợp với UBND thành phố Dĩ An tổ chức các nhóm chuyên gia khoa học thu thập toàn bộ hồ sơ, mẫu vật liên quan:

- Ngày giờ
- Địa điểm
- Số lượng chất thải tràn
- Loại chất thải rò rỉ, tràn đổ
- Phạm vi phát tán

Tiến hành khảo sát tại hiện trường nhằm:

- Thu thập số liệu, chứng cứ khoa học và thông tin về ô nhiễm;
- Đánh giá mức độ, quy mô ô nhiễm, sự thiệt hại, suy giảm về môi trường, sinh thái.
- Đánh giá mức độ, quy mô thiệt hại về kinh tế của các tổ chức và cá nhân trong hiện tại và trong tương lai.

Các thông tin về môi trường này phải mang tính trung thực và có cơ sở khoa học, cần được thể hiện dưới dạng một báo cáo hoàn chỉnh, có các sơ đồ, số liệu, mẫu vật, các kết quả phân tích cụ thể, các phim ảnh minh họa đi kèm.

❖ **Xây dựng và thu thập toàn bộ các khiếu nại của các tổ chức và nhân dân địa phương về ảnh hưởng của sự cố**

Công ty tiếp nhận toàn bộ các khiếu nại gửi trực tiếp và có báo cáo tổng hợp trình UBND thành phố Dĩ An, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

Công ty sẽ phối hợp làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Dĩ An và các cơ quan có liên quan để tổng hợp toàn bộ các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân về ảnh hưởng của sự cố.

❖ **Xây dựng hồ sơ khiếu nại**

Sau khi có được các loại hình thông tin cần thiết, cần xây dựng đơn khiếu nại và hồ sơ đi kèm. Nội dung chủ yếu bao gồm:

- Tên và địa chỉ của bên pháp nhân đòi bồi thường;
- Thời gian và địa điểm xảy ra sự cố;
- Xác định các nguồn lực đã được huy động tham gia vào ứng cứu:
 - + Số ngày công,
 - + Số trang thiết bị, kỹ thuật, phương tiện,...
- Loại chất thải;
- Số lượng chất thải;
- Phạm vi bị ảnh hưởng;
- Các bằng chứng và các kết luận về sự suy giảm môi trường:
 - + Suy giảm chất lượng nước, không khí, đất;
 - + Mẫu động thực vật bị chết, đang chết.
- Mô tả tóm tắt về diễn biến, các công việc đã thực hiện để đối phó, các thiệt hại về tài sản.

- Bảng thống kê các chi phí cho việc ứng cứu:
 - + Các chi phí về sử dụng nhân lực, thiết bị, vận tải hàng ngày đã phục vụ cho việc xử lý hậu quả, làm sạch môi trường.
 - + Giá thành sửa chữa hoặc phải thay thế mới trang thiết bị do sự cố làm hư hỏng.
 - + Giá trị thiệt hại về kinh tế của hoạt động sản xuất trực tiếp phụ thuộc vào môi trường (nông nghiệp, các cơ sở sử dụng nguồn nước sông để cấp cho sản xuất).
- Phim, ảnh, băng, video (nếu có).

❖ **Tiến hành làm việc và thỏa thuận bồi thường:**

- Trên cơ sở thu thập toàn bộ hồ sơ khiếu nại, công ty sẽ phối hợp cùng các cơ quan chức năng làm việc với tổ chức cá nhân để xác định mức bồi thường thiệt hại cho tổ chức cá nhân theo quy định.
- Trường hợp không thỏa thuận được sẽ tiến hành các bước tiếp theo theo quy định của Luật khiếu nại.

4. Tổ chức sử dụng lực lượng

Đội ứng phó sự cố chất thải của công ty được thành lập với **23 đội viên**, sẵn sàng tham gia ứng phó khi có sự cố:

Bảng 15: Lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải của công ty

Stt	Tổ	Họ và tên	Chức danh Trong đội UPSC	Nhiệm vụ
I Ban chỉ huy ứng phó sự cố				
1	Chỉ huy điều hành UPSC	Nakahori Masaru	Trưởng ban chỉ huy	+ Tổ chức việc xây dựng phương án tác chiến ứng phó phù hợp với tình hình thực tế tại hiện trường. + Chỉ huy, điều động các lực lượng tham gia ứng phó sự cố. + Thông báo với các cơ quan chức năng khi cần hỗ trợ... + Tổng hợp, đánh giá tình hình sự cố và Báo cáo các cơ quan thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
2		Motoyama Toshiatsu	Phó ban chỉ huy	
3		Wakabayashi Hisamoto	Thành viên	
4		Lê Quang Trung	Thành viên	
5		Võ Tấn Hưng	Thành viên	
II Đội ứng phó sự cố				
1	Hướng dẫn, giám sát UPSC	Trịnh Ngọc Giang	Đội trưởng	+ Trực tiếp chỉ huy tại hiện trường theo sự chỉ đạo của ban chỉ huy điều hành ứng phó sự cố. + Đôn đốc, phân công nhiệm vụ cho các thành viên của đội ứng phó sự cố. + Giám sát toàn bộ quá trình khắc phục các sự cố cho đến khi hệ thống hoạt động trở lại bình thường + Báo cáo trực tiếp tình hình tại hiện trường cho ban chỉ huy ứng phó sự cố.
2		Lê Đình Biên	Đội phó	
3		Nguyễn Vũ Linh	Đội phó	
4		Đỗ Anh Tiên	Đội phó	
5		Nguyễn Thanh Tâm	Đội phó	

6	Tổ thông tin	Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> + Thông tin đến các bộ phận liên quan nhanh chóng nắm bắt tình hình để kịp thời ứng phó. + Thông báo, báo động khu vực sản xuất, khu vực xảy ra sự cố thực hiện việc ngắt, ngừng hoạt động các thiết bị phát tán rò rỉ chất thải ra môi trường. + Thông báo, huy động toàn bộ lực lượng tham gia ứng phó sự cố tại hiện trường; + Hỗ trợ thông tin liên lạc giữa các tổ xử lý và các bộ phận liên quan trong công ty.
7		Nguyễn Sĩ Quyền	Thành viên	
8		Huỳnh Lê Trung	Thành viên	
9	Tổ ứng phó tại chỗ	Nguyễn Quốc Thắng	Thành viên	<ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các trang thiết bị bảo vệ cá nhân (mặt nạ chống độc, găng tay, ủng, khẩu trang, quần áo,...) trước khi ứng phó sự cố. + Trực tiếp tham gia các hoạt động ứng phó bằng toàn bộ nhân lực, trang thiết bị và kỹ năng vận hành. + Khoanh vùng sự cố tránh lây lan sang các vùng và khu vực lân cận... + Xử lý sự cố, sửa chữa, thay thế thiết bị.. + Thu gom chất thải chuyển về kho chứa CTNH.
10		Đỗ Hoài Tâm	Thành viên	
11		Đoàn Vũ Trần Anh Khoa	Thành viên	
12		Trần Huy Bình	Thành viên	
13		Phạm Gia Bảo	Thành viên	
14		Trịnh Văn Thuận	Thành viên	
15		Phan Hoàng Nam	Thành viên	
16		Lê Công Hàm	Thành viên	
17		Cung Đình Toàn	Thành viên	
18		Lê Đại Phong	Thành viên	

19	Tổ sơ tán	Vòng Thín Dưỡng	Thành viên	+ Di dời tài sản, người bị nạn (nếu có) đến nơi an toàn...
20		Hà Thúc Phong	Thành viên	
21	Tổ an ninh, trật tự	Phạm Thanh Hùng	Thành viên	+ Có nhiệm vụ bảo vệ hiện trường, bảo đảm an ninh trật tự nơi xảy ra sự cố. + Hướng dẫn cơ quan chức năng đến hỗ trợ tiếp cận hiện trường nhanh nhất.
22	Tổ Hậu cần, y tế	Đỗ Phú Cường	Thành viên	+ Đã bố trí các trang thiết bị sơ cứu tại từng xưởng + Dự trữ các trang thiết bị y tế cần thiết tại phòng Y tế + Kịp thời sơ cấp cứu, di chuyển người gặp nạn đến Bệnh viện gần nhất. + Cung cấp vật tư, trang thiết bị ứng phó, bảo hộ lao động...
23		Phạm Minh Đức	Thành viên	
III Lực lượng tăng cường, phối hợp				
1	Đơn vị phối hợp	Công an PCCC Dĩ An	-	Phối hợp với công ty chữa cháy và cứu nạn cứu hộ
2		BV Đa Khoa Hoàn Mỹ	-	Hỗ trợ cấp cứu người bị nạn
3		Đơn vị thu gom XLCT	-	Hỗ trợ xe, thùng chứa để thu gom xử lý chất thải nguy hại.
4		Đơn vị lắp đặt hệ thống xử lý khí thải, nước thải	-	Hỗ trợ kỹ thuật, thiết bị thay thế...

III. DỰ KIẾN TÌNH HUỐNG, BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Tình huống

1.1. Tình huống về nước thải

Tình huống 1: Hệ thống thu gom

Các công trình xử lý nước thải của công ty đang hoạt động bình thường thì nước tại hố thu gom nước thải sản xuất tập trung tràn ra ngoài vào hệ thống thoát nước mưa.

- Nguyên nhân: lưu lượng nước thải đột biến, bơm nước thải lên công trình xử lý bị hư hỏng hoặc vỡ hố thu gom.
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9 giờ, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Lưu lượng nước thải dự kiến bị tràn đổ: 10 m³
- Phạm vi ảnh hưởng: Trung bình, chỉ ảnh hưởng tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát nước mưa nội bộ.
- Đối tượng bị tác động: công nhân vận hành tại khu vực HTXLNT.
- Phân loại sự cố: cấp Cơ sở.

Tình huống 2:

Công trình xử lý nước thải 700 m³/ngày bị sự cố nước thải được bơm về hồ sự cố thì vỡ đường ống dẫn nước thải chưa xử lý chảy ra hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy ra môi trường

- Nguyên nhân: vỡ đường ống dẫn
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9 giờ, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Lưu lượng nước thải dự kiến bị tràn đổ: 100 m³
- Phạm vi ảnh hưởng: cao
- Đối tượng bị tác động: Ảnh hưởng chất lượng nước kênh T5, nước suối Siệp, sông Đồng Nai
- Phân loại sự cố: cấp huyện

Tình huống 3:

Công trình xử lý nước thải 700 m³/ngày bị sự cố ở một hoặc các công đoạn xử lý dẫn đến nước thải xử lý không đạt quy chuẩn thải ra môi trường.

- Nguyên nhân: sự cố về máy móc thiết bị, hệ thống cấp điện, hóa chất...

- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9 giờ, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Lưu lượng nước thải dự kiến thải: 700 m³/ngày
- Phạm vi ảnh hưởng: cao
- Đối tượng bị tác động: Ảnh hưởng chất lượng nước kênh T5, nước suối Siệp, sông Đồng Nai
- Phân loại sự cố: cấp huyện.

1.2. Tình huống về bụi và khí thải

Tình huống 1:

Hệ thống thu hồi tái sinh axit HCl sự cố rò rỉ đường ống dẫn hoặc rò rỉ tháp hấp thụ, hơi axit thoát ra môi trường.

- Nguyên nhân: đường ống thu gom, xử lý bị bị thủng.
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: nhỏ, chỉ ảnh hưởng tại khu vực các hệ thống xử lý khí thải.
- Đối tượng bị tác động: công nhân vận hành tại khu vực HTXLKT.
- Phân loại sự cố: cấp cơ sở.

Tình huống 2:

Hệ thống thu hồi tái sinh axit HCl sự cố hoạt động xử lý thu hồi không hiệu quả, hệ thống kiểm soát tự động gặp sự cố không phát hiện dẫn đến hơi axit phát tán ra môi trường.

- Nguyên nhân: Hư hỏng thiết bị hệ thống điện của công trình
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: lớn
- Đối tượng bị tác động: ảnh hưởng đến dân cư và các nhà máy xung quanh. công nhân vận hành tại khu vực HTXLKT.
- Phân loại sự cố: cấp huyện.

Tình huống 3:

Hệ thống xử lý khí hơi dầu xưởng cán nguội 1 hoặc 2 gặp sự cố rò rỉ đường ống, hơi dầu phát tán ra môi trường.

- Nguyên nhân: đường ống thu gom, dẫn khí thải bị thủng.

- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: nhỏ, chỉ ảnh hưởng tại khu vực sản xuất xưởng cán nguội.
- Đối tượng bị tác động: công nhân sản xuất trong xưởng cán nguội.
- Phân loại sự cố: cấp cơ sở.

Tình huống 4:

Hệ thống xử lý hấp thụ hơi axit dây chuyền tẩy rửa axit hoặc công đoạn tráng kẽm gặp sự cố về rò rỉ đường ống, quạt hút, tháp hấp thụ, hơi axit phát tán ra môi trường

- Nguyên nhân: đường ống thu gom, quạt hút, tháp hấp thụ
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: nhỏ, chỉ ảnh hưởng tại các khu vực sản xuất, khu vực xử lý
- Đối tượng bị tác động: công nhân sản xuất tại khu vực.
- Phân loại sự cố: cấp cơ sở.

Tình huống 5:

Hệ thống xử lý bụi xưởng Thép ống bị sự cố

- Nguyên nhân: Rò rỉ đường ống, hư hỏng quạt hút, buồng chứa bụi
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: nhỏ đến mức trung bình, ảnh hưởng tại khu vực các hệ thống xử lý khí thải và phát tán ra môi trường xung quanh Nhà máy.
- Đối tượng bị tác động: công nhân vận hành tại các xưởng, công nhân Nhà máy
- Phân loại sự cố: cấp cơ sở.

Tình huống 6:

Hệ thống xử lý khí thải công đoạn phủ Crom bị sự cố.

- Nguyên nhân: sự cố đường ống, quạt hút, tháp hấp thụ
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: nhỏ, trong khuôn viên xưởng sản xuất
- Đối tượng bị tác động: công nhân sản xuất tại Nhà máy.
- Phân loại sự cố: cấp cơ sở

Tình huống 7:

Hệ thống xử lý khí thải công đoạn tẩy rửa Akali xưởng tráng kẽm 1-2 bị sự cố.

- Nguyên nhân: sự cố rò rỉ đường ống, hư hỏng quạt hút, tháp hấp thụ, hấp phụ hoạt động không hiệu quả
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: nhỏ, trong khuôn viên xưởng sản xuất
- Đối tượng bị tác động: công nhân sản xuất tại Nhà máy.
- Phân loại sự cố: cấp cơ sở

Tình huống 8:

Hệ thống xử lý khí thải lò sấy Xưởng mạ màu 2 bị sự cố.

- Nguyên nhân: sự cố rò rỉ đường ống, hư hỏng quạt hút, buồng đốt hoạt động không hiệu quả.
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: lớn, trong khuôn viên nhà máy và phát tán ra bên ngoài.
Phạm vi ảnh hưởng
- Đối tượng bị tác động: công nhân sản xuất tại Nhà máy và dân cư, nhà máy xung quanh.
- Phân loại sự cố: cấp huyện

1.3. Tình huống về chất thải nguy hại

Tình huống 1:

Dầu thải tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại rò rỉ, tràn đổ ra môi trường.

- Nguyên nhân: bao bì chứa bị rách, thủng; việc nâng xe lên vận chuyển bị sự cố
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: nhỏ, chỉ ảnh hưởng tại khu vực tập kết chất thải.
- Đối tượng bị tác động: công nhân tại khu vực lưu chứa chất thải.
- Phân loại sự cố: cấp cơ sở.

Tình huống 2:

Dầu thải lưu chứa xưởng cán nguội rò rỉ, tràn đổ ra bên ngoài vào hệ thống thoát nước mưa

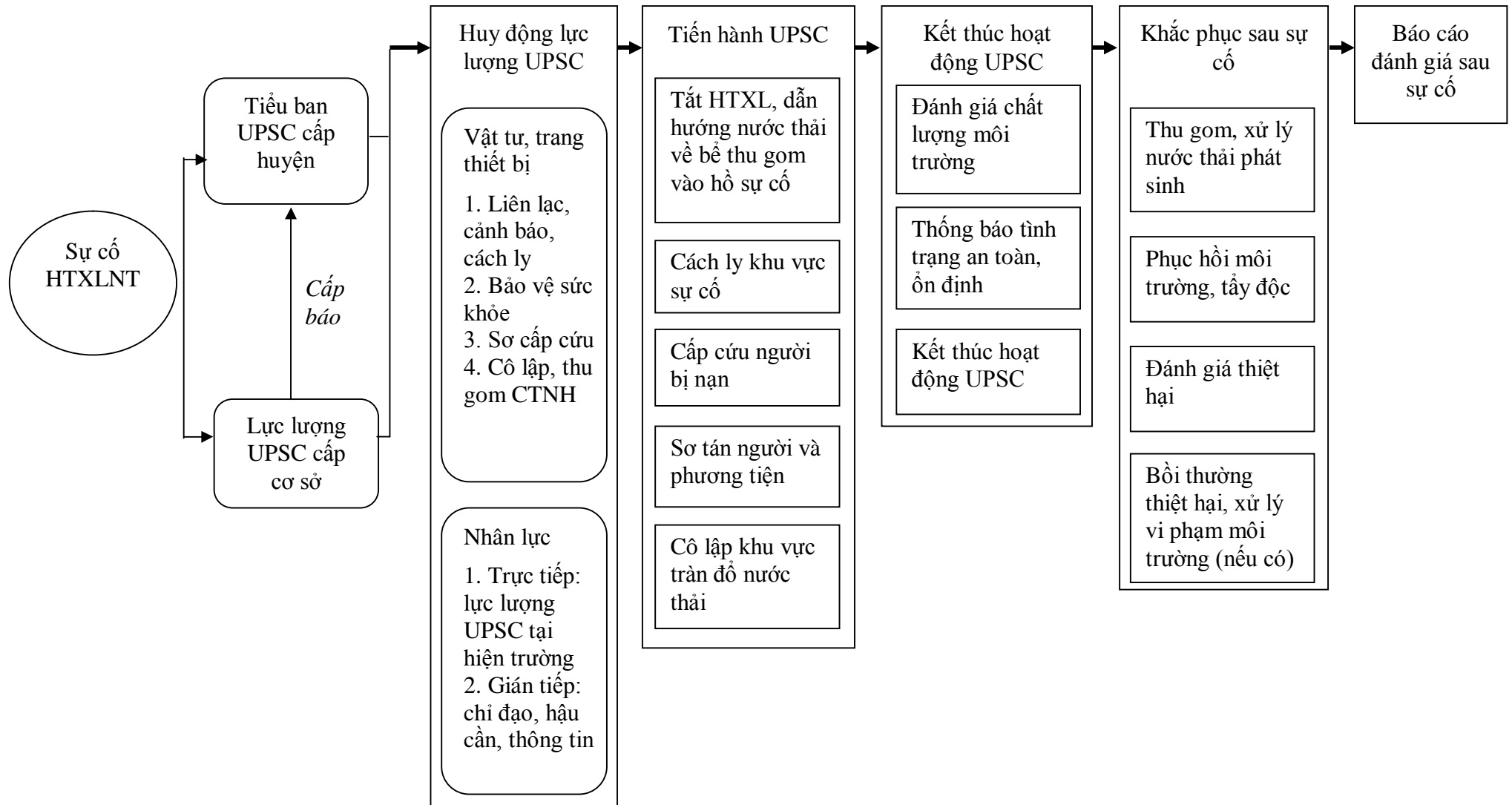
- Nguyên nhân: bồn chứa, thùng chứa bị nứt vỡ, bị thủng.
- Thời gian xảy ra sự cố: Khoảng 9h00 sáng, hoạt động sản xuất và các hoạt động khác của nhà máy vẫn hoạt động bình thường.
- Phạm vi ảnh hưởng: nhỏ, chỉ ảnh hưởng tại khu vực xưởng cán nguội, mương thoát nước mưa gần xưởng cán nguội
- Đối tượng bị tác động: công nhân sản xuất xưởng cán nguội

Phân loại sự cố: cấp cơ sở.

2. Biện pháp xử lý

2.1. Xử lý tình huống sự cố nước thải

BẢNG HƯỚNG DẪN ỨNG PHÓ SỰ CỐ NƯỚC THẢI



Bảng 16: Hướng dẫn ứng phó sự cố nước thải

Bước	Người thực hiện	Nội dung thực hiện
I		Ứng phó các sự cố nước thải nội bộ (cấp cơ sở)
Nhận biết thông tin sự cố	Người phát hiện sự cố	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí tràn đổ, rò rỉ nước thải - Mức độ, nguyên nhân - Người bị ảnh hưởng trực tiếp tại địa điểm tràn đổ
Thông báo	Người phát hiện sự cố	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho (Phó) xưởng trưởng và Phó(GĐĐH) / đội trưởng đội UPSC. - Báo cáo rõ ràng, chính xác tình hình sự cố nước thải như các thông tin nhận định ở trên
Chỉ đạo ứng phó sự cố	Ban chỉ huy	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra phương án, kế hoạch ứng phó sự cố theo mức độ ảnh hưởng của sự cố - Phân công nhiệm vụ ứng phó sự cố - Thông báo sự cố cho các cơ quan chức năng khi cần hỗ trợ
Điều hành ứng phó sự cố	Đội trưởng Đội phó	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận phương án ứng phó từ ban chỉ huy, trực tiếp điều hành xử lý sự cố - Quan sát, nắm bắt tình hình thực tế và báo cáo cho ban chỉ huy...
Thực hiện ứng phó sự cố	Các tổ ứng phó sự cố	<p>Tổ thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận thông tin chỉ đạo từ ban chỉ huy, thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan trong khu vực. - Hỗ trợ thông tin liên lạc giữa các tổ xử lý
		<p>Tổ sơ tán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ tán người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm đưa người bị nạn tới khu vực an toàn. - Di dời tài sản có giá trị đến nơi an toàn.
		<p>Tổ hậu cần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp BHLĐ, trang thiết bị, dụng cụ UPSC - Liên lạc nhà cung ứng hỗ trợ các thiết bị chuyên dụng (nếu cần) - Chuẩn bị kính phí....

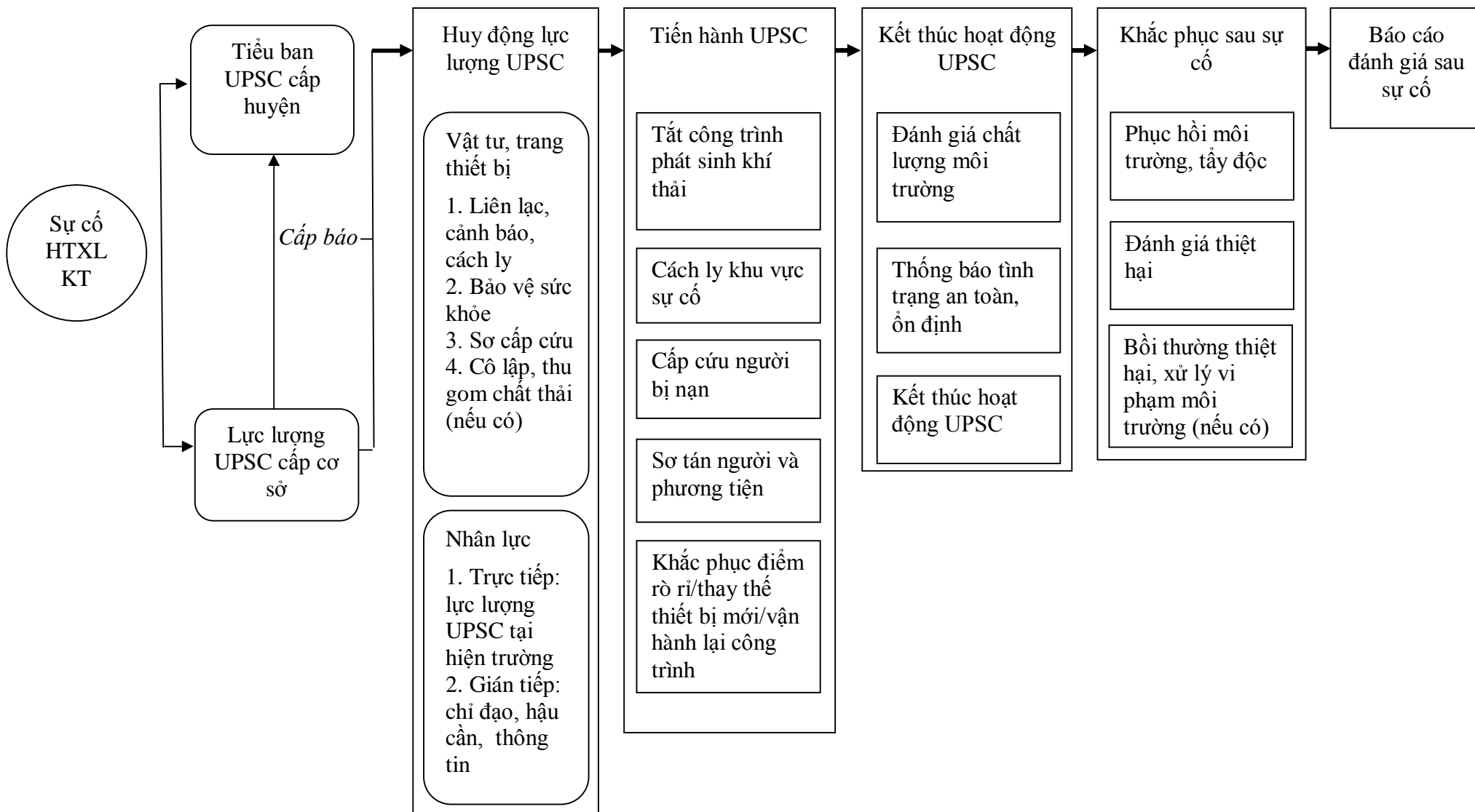
		<p>Tổ ứng phó sự cố tại chỗ:</p> <p>Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân trước khi bước vào khu vực xảy ra sự cố nước thải.</p> <p>✚ Đối với trường hợp nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu do công tác vận hành không đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bơm nước thải về hồ sự cố (chờ xử lý lại) - Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải dừng hệ thống, kiểm tra nguyên nhân gây ra sự cố (Lượng hóa chất, lưu lượng, tốc độ khuấy, chỉ số pH, các thông số vận hành trạm...) - Sau khi xác định được nguyên nhân tiến hành khắc phục sự cố (điều chỉnh lại lượng hóa chất, pH, các thông số vận hành cho phù hợp...) - Theo dõi chất lượng nước thải đầu ra đến khi đạt quy chuẩn thì mới xả ra nguồn tiếp nhận. - Bơm lượng nước thải không đạt từ hồ sự cố về trạm để xử lý lại cho đạt quy chuẩn rồi xả ra. - Trường hợp sự cố kéo dài dẫn đến quá sức chứa của hồ sự cố (1400 m³) thì phải tạm dừng phát sinh nước thải. <p>✚ Đối với trường hợp HTXLNT gặp sự cố máy móc thiết bị dẫn đến xử lý không đảm bảo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bơm nước thải về hồ sự cố (chờ xử lý xong sự cố sẽ tiếp tục xử lý) - Tạm dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, khoanh vùng khu vực sự cố, xác định nguyên nhân (kiểm tra các máy móc, thiết bị của trạm). Đánh giá mức độ của sự cố. - Nhanh chóng liên hệ với bộ phận bảo trì để sửa chữa các thiết bị hư hỏng. - Sau khi hoàn thành khắc phục thì vận hành lại HTXLNT, theo dõi chất lượng nước thải, nếu đạt quy chuẩn thì mới xả ra nguồn tiếp nhận. - Trường hợp không đạt, tiến hành kiểm tra, khắc phục và sửa chữa lại hệ thống đến khi đạt thì mới xả thải. - Trường hợp vẫn không tìm được nguyên nhân và cách khắc phục sẽ liên hệ với đơn vị lắp đặt để hỗ trợ khắc phục.
--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Bơm nước thải từ hồ sự cố về để tiếp tục xử lý. - Trường hợp sự cố kéo dài dẫn đến quá sức chứa của hồ sự cố (1400 m³) thì phải tạm dừng phát sinh nước thải. 🚧 Đối với trường hợp hệ thống thu gom nước thải gặp sự cố, nước thải tràn ra ngoài: - Khoanh vùng khu vực sự cố, ngăn chặn sự lan truyền của nước thải (bao cát) - Sử dụng bơm, bồn chứa, dụng cụ UPSC để thu gom nước thải bị rò rỉ. - Đưa nước thải bị rò rỉ tràn đổ về HTXLNT để xử lý - Vệ sinh khu vực xảy ra sự cố.
		<p>Tổ y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành kiểm tra tình trạng sức khỏe của các nhân viên đang làm việc trong khu vực xảy ra sự cố. Thực hiện cấp cứu nếu có nhân viên bị ngạt, ngộ độc và chuyển đến trung tâm y tế gần nhất.
		<p>Tổ an ninh, trật tự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ hiện trường, đảm bảo an ninh trật tự khu vực xảy ra sự cố.
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Bộ phận an toàn môi trường và Các Trưởng bộ phận	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra nguyên nhân, tính toán chi phí, những ảnh hưởng, tác động đến môi trường... - Báo cáo kết thúc sự cố tràn đổ nước thải cho các bộ phận liên quan và Lãnh đạo công ty.
II	Phối hợp với các đơn vị bên ngoài khi sự cố tràn đổ chất thải vượt tầm kiểm soát của Công ty (sự cố cấp huyện)	
Thông báo cơ quan bên ngoài hỗ trợ	Ban chỉ huy UPSC	<ul style="list-style-type: none"> - Khi xác định sự cố vượt tầm kiểm soát, xử lý của Công ty, người điều hành trực tiếp ứng cứu, xử lý sự cố thông báo cho các đơn vị bên ngoài để hỗ trợ.
Phối hợp với công ty xử lý sự	Các lực lượng hỗ trợ bên	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ Công ty sẽ hướng dẫn các lực lượng ứng phó đến vị trí xảy ra sự cố.

cố	ngoài (STNMT, UBND TP Dĩ An, Phường Tân Đông Hiệp, đơn vị lấy mẫu ...)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể xảy ra sự cố tràn đổ nước thải. - Xác định các đối tượng bị ảnh hưởng - Lấy mẫu giám định, kiểm tra chất lượng nước kênh T5, suối Siệp.
	Công an thành phố Dĩ An	- Hướng dẫn điều hành giao thông để thuận lợi trong việc vận chuyển nước thải, chất thải nguy hại từ Công ty đến các đơn vị hỗ trợ xử lý
	Cơ quan Y tế	- Trực tiếp sơ cứu và cấp cứu người bị nạn.
	Đơn vị thu gom XLCT	- Thu gom và xử lý chất thải sau khi ứng phó
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Công ty phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra nguyên nhân sự cố - Đánh giá mức độ ảnh hưởng, tác động đến môi trường - Lập hồ sơ, khiếu nại, đền bù...(nếu có)

2.2. Xử lý tình huống sự cố khí thải

BẢNG HƯỚNG DẪN ỨNG PHÓ SỰ CỐ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



Bảng 17: Hướng dẫn ứng phó sự cố khí thải

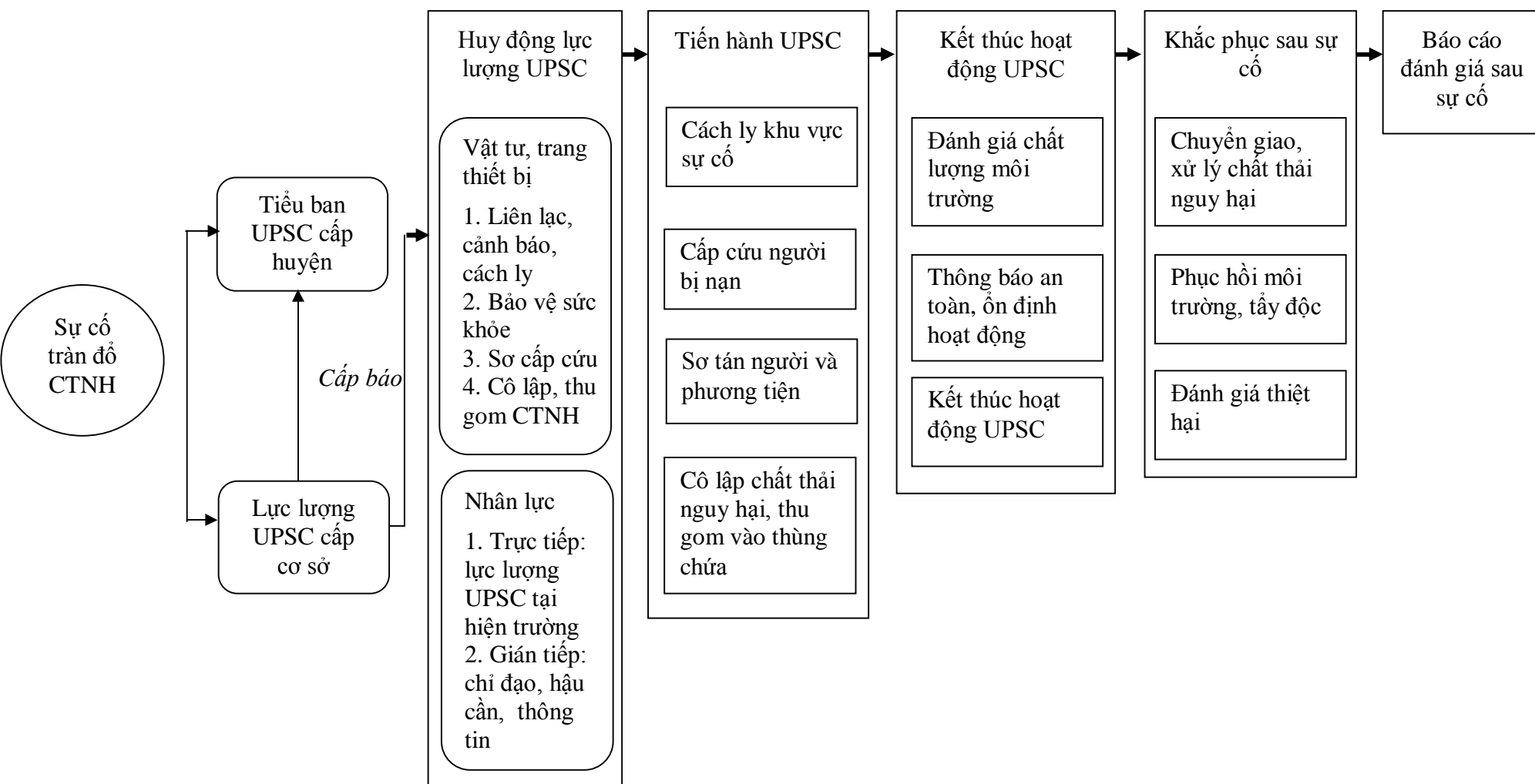
Các bước tiến hành	Người thực hiện	Nội dung thực hiện
I	Ứng phó các sự cố khí thải nội bộ (cấp cơ sở)	
Nhận biết thông tin sự cố	Người phát hiện sự cố	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí khí thải rò rỉ, phát tán. - Mức độ khí thải rò rỉ, phát tán ra bên ngoài. - Nguyên nhân khí thải bị rò rỉ. - Có nhân viên nào bị ảnh hưởng bởi sự cố khí thải không?
Thông báo cho người có thẩm quyền	Người phát hiện sự cố	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho (Phó) xưởng trưởng và Phó (GD ĐH) / đội trưởng đội UPSC. - Báo cáo rõ ràng, chính xác tình hình sự cố khí thải như các thông tin nhận định ở trên
Chỉ đạo ứng phó sự cố	Ban chỉ huy	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra phương án, kế hoạch ứng phó sự cố theo mức độ ảnh hưởng của sự cố - Phân công nhiệm vụ ứng phó sự cố - Thông báo sự cố cho các cơ quan chức năng khi cần hỗ trợ
Điều hành ứng phó sự cố	Đội trưởng Đội phó	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận phương án ứng phó từ ban chỉ huy, trực tiếp điều hành xử lý sự cố - Quan sát, nắm bắt tình hình thực tế và báo cáo cho ban chỉ huy...
Tổ chức ứng phó	Các tổ ứng phó sự cố	<p style="text-align: center;">Tổ thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận thông tin chỉ đạo từ ban chỉ huy, thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan trong khu vực. - Hỗ trợ thông tin liên lạc giữa các tổ xử lý
		<p style="text-align: center;">Tổ sơ tán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ tán người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm đưa người bị nạn tới khu vực an toàn. - Di dời tài sản có giá trị đến nơi an toàn.
		<p style="text-align: center;">Tổ hậu cần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp BHLĐ, trang thiết bị, dụng cụ UPSC - Liên lạc nhà cung ứng hỗ trợ các thiết bị chuyên dụng (nếu

		<p>cần)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị kính phí...
		<p>Tổ ứng phó sự cố tại chỗ: (Tất cả các trường hợp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dừng hoạt động phát sinh khí thải - Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân trước khi bước vào khu vực sự cố - Khoanh vùng khu vực xảy ra sự cố rò rỉ khí thải, căng dây cảnh báo. - Bộ phận bảo trì tiến hành khắc phục, sửa chữa vị trí rò rỉ khí thải. - Tiến hành thông thoáng khu vực xảy ra sự cố rò rỉ khí thải hay thực hiện thông gió cưỡng bức nếu cần thiết bằng các phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố được trang bị (quạt thông gió, mặt nạ phòng độc...). - Trường hợp không thể khắc phục được sẽ liên hệ với đơn vị lắp đặt để hỗ trợ.
		<p>Tổ y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành kiểm tra tình trạng sức khỏe của các nhân viên đang làm việc trong khu vực xảy ra sự cố. Thực hiện cấp cứu nếu có nhân viên bị ngạt, ngộ độc và chuyển đến trung tâm y tế gần nhất
		<p>Tổ an ninh, trật tự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ hiện trường, đảm bảo an ninh trật tự khu vực xảy ra sự cố
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Bộ phận an toàn môi trường và Các Trưởng bộ phận	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra nguyên nhân, tính toán chi phí, những ảnh hưởng, tác động đến môi trường... - Báo cáo kết thúc sự cố tràn đổ nước thải cho các bộ phận liên quan và Lãnh đạo công ty.
II	Phối hợp với các đơn vị bên ngoài khi sự cố tràn đổ chất thải vượt tầm kiểm soát của Công ty (sự cố cấp huyện)	
Thông báo cơ quan bên ngoài hỗ trợ	Ban chỉ huy UPSC	<ul style="list-style-type: none"> - Khi xác định sự cố vượt tầm kiểm soát, xử lý của Công ty, người điều hành trực tiếp ứng cứu, xử lý sự cố thông báo cho các đơn vị bên ngoài để hỗ trợ.

Phối hợp với công ty xử lý sự cố	Các lực lượng hỗ trợ bên ngoài (Sở Tài nguyên môi trường, UBND TP Dĩ An, Phường Tân Đông Hiệp, đơn vị lấy mẫu ...)	<ul style="list-style-type: none"> - Khi đến công Công ty sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố. - Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể xảy ra sự cố rò rỉ khí thải. - Xác định các đối tượng bị ảnh hưởng - Lấy mẫu giám định, kiểm tra chất lượng không khí xung quanh bị ảnh hưởng từ việc rò rỉ khí thải.
	PCCC thành phố Dĩ An	<ul style="list-style-type: none"> - Khi đến công Công ty sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố. - Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể xảy ra sự cố gây cháy nổ.
	Công an thành phố Dĩ An	- Hướng dẫn điều hành giao thông, sơ tán các đối tượng xung quanh bị tác động từ sự cố rò rỉ khí thải
	Cơ quan Y tế	- Trực tiếp sơ cứu và cấp cứu người bị ngạt, ngộ độc do khí thải gây ra.
	Đơn vị lắp đặt	- Hỗ trợ kỹ thuật, thiết bị thay thế...
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Công ty phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra nguyên nhân sự cố - Đánh giá mức độ ảnh hưởng, tác động đến môi trường - Lập hồ sơ, khiếu nại, đền bù...(nếu có)

2.3. Xử lý tình huống sự cố chất thải nguy hại

BẢNG HƯỚNG DẪN ỨNG PHÓ TRÀN ĐỔ CHẤT THẢI NGUY HẠI



Bảng 18: Hướng dẫn ứng phó sự cố chất thải

Bước thực hiện	Người thực hiện	Nội dung thực hiện
I	Ứng phó các sự cố chất thải nội bộ (cấp cơ sở)	
Nhận biết thông tin sự cố	Người phát hiện sự cố	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí tràn đổ, rò rỉ chất thải nguy hại. - Mức độ tràn đổ - Nguyên nhân tràn đổ - Người bị ảnh hưởng trực tiếp tại địa điểm tràn đổ
Thông báo cho người có thẩm quyền	Người phát hiện sự cố	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho (Phó) xưởng trưởng và Phó(GĐĐH) / đội trưởng đội UPSC. - Báo cáo rõ ràng, chính xác tình hình sự cố chất thải như các thông tin nhận định ở trên
Chỉ đạo ứng phó sự cố	Ban chỉ huy	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra phương án, kế hoạch ứng phó sự cố theo mức độ ảnh hưởng của sự cố - Phân công nhiệm vụ ứng phó sự cố - Thông báo sự cố cho các cơ quan chức năng khi cần hỗ trợ
Điều hành ứng phó sự cố	Đội trưởng Đội phó	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận phương án ứng phó từ ban chỉ huy, trực tiếp điều hành xử lý sự cố - Quan sát, nắm bắt tình hình thực tế và báo cáo cho ban chỉ huy...
Tổ chức thực hiện	Các tổ ứng phó sự cố	<p>Tổ thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận thông tin chỉ đạo từ ban chỉ huy, thông báo tình huống khẩn cấp cho mọi người, bộ phận liên quan trong khu vực. - Hỗ trợ thông tin liên lạc giữa các tổ xử lý
		<p>Tổ sơ tán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ tán người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm đưa người bị nạn tới khu vực an toàn. - Di dời tài sản có giá trị đến nơi an toàn.

		<p>Tổ hậu cần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp BHLĐ, trang thiết bị, dụng cụ UPSC - Liên lạc nhà cung ứng hỗ trợ các thiết bị chuyên dụng (nếu cần) - Chuẩn bị kính phí.... <p>Tổ ứng phó sự cố tại chỗ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ trước khi thực hiện ứng phó sự cố. <p>🚧 Đối với trường hợp tràn đổ ra đất, ra nền đường, xuống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách ly khu vực tràn đổ với các nguồn nhiệt, điện, hóa chất khác. - Khoanh vùng khu vực xảy ra sự cố, ngăn chặn chất thải nguy hại lan rộng. Dùng cát, giẻ lau...ngăn chặn chất thải lan rộng ra xung quanh (mương thoát nước mưa...) - Tiến hành thu gom xử lý CTNH tràn đổ (tùy vào tính chất của CTNH mà sử dụng các loại vật liệu thu hồi phù hợp như: cát, giẻ lau, mật cưa, bông lọc thấm hút...) - Trường hợp chất thải dạng lỏng thấm ra đất cần phải thu gom cả lớp đất bị ô nhiễm do chất thải. - Vệ sinh sạch sẽ khu vực xảy ra sự cố - Thu gom toàn bộ chất thải chuyên giao cho đơn vị xử lý như CTNH. <p>🚧 Đối với trường hợp chất thải dạng lỏng tràn đổ ra mương thoát nước mưa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhanh chóng xác định hướng dòng chảy và ngăn chặn dòng chảy của CTNH (sử dụng bao cát hoặc vật liệu thấm hút để chặn dòng chảy) - Tiến hành thu gom xử lý chất thải (sử dụng bơm để hút vào thùng chứa, vật liệu thấm hút...). Đồng thời nạo vét lớp bùn, đất dưới lòng mương khu vực có CTNH tràn đổ xuống. - Vệ sinh sạch sẽ khu vực xảy ra sự cố - Thu gom toàn bộ chất thải sau khi xử lý chuyên giao cho đơn vị xử lý như CTNH.
--	--	--

		<p>Tổ y tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành kiểm tra tình trạng sức khỏe của các nhân viên đang làm việc trong khu vực xảy ra sự cố. Thực hiện cấp cứu nếu có nhân viên bị ngạt, ngộ độc và chuyển đến trung tâm y tế gần nhất.
		<p>Tổ an ninh, trật tự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ hiện trường, đảm bảo an ninh trật tự khu vực xảy ra sự cố
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Bộ phận an toàn môi trường và Các Trưởng bộ phận	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra nguyên nhân, tính toán chi phí, những ảnh hưởng, tác động đến môi trường... - Báo cáo kết thúc sự cố tràn đổ chất thải cho các bộ phận liên quan và Lãnh đạo công ty.
II	Phối hợp với các đơn vị bên ngoài khi sự cố tràn đổ chất thải vượt tầm kiểm soát của Công ty (sự cố cấp huyện)	
Thông báo cơ quan bên ngoài hỗ trợ	Ban chỉ huy ứng phó sự cố	Khi xác định sự cố vượt tầm kiểm soát, xử lý của Công ty, Ban chỉ huy ứng phó sự cố thông báo cho các đơn vị bên ngoài để hỗ trợ.
Phối hợp với đơn vị bên ngoài để xử lý sự cố	Các lực lượng hỗ trợ bên ngoài (STNMT, UBND TP Dĩ An, Phường Tân Đông Hiệp, đơn vị lấy mẫu ...)	<ul style="list-style-type: none"> - Khi đến cổng Công ty sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố. - Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực cụ thể xảy ra sự cố chất thải. - Xác định các đối tượng bị ảnh hưởng
	PCCC thành phố Dĩ An	<ul style="list-style-type: none"> - Khi đến cổng Công ty sẽ được hướng dẫn đến vị trí xảy ra sự cố. - Thực hiện triển khai ứng cứu tại các khu vực xảy ra cháy nổ.
	Công an thành phố Dĩ An	- Hướng dẫn điều hành giao thông, sơ tán các đối tượng xung quanh bị tác động từ sự cố chất thải
	Cơ quan Y tế	- Trực tiếp sơ cứu và cấp cứu người bị nạn

	Đơn vị thu gom chất thải	- Hỗ trợ phương tiện, thiết bị kỹ thuật để xử lý, thu gom chất thải.
Hoàn thành ứng phó sau sự cố	Công ty phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan	- Điều tra nguyên nhân sự cố - Đánh giá mức độ ảnh hưởng, tác động đến môi trường - Lập hồ sơ, khiếu nại, đền bù...(nếu có)

IV. NHIỆM VỤ CỦA CÁC BỘ PHẬN

1. Nhiệm vụ chung:

Tất cả các thành viên và các bộ phận trong công ty đều có trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải. Luôn tuân thủ các quy định về an toàn và môi trường để không phát sinh sự cố xảy ra.

2. Nhiệm vụ cụ thể:

❖ Ban chỉ huy điều hành ứng phó sự cố:

+ Tổ chức việc xây dựng phương án tác chiến ứng phó phù hợp với tình hình thực tế tại hiện trường.

+ Phân công, giao trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.

+ Chỉ huy, điều động các lực lượng tham gia ứng phó sự cố.

+ Bổ nhiệm người chỉ huy tại hiện trường phù hợp với từng tình huống cụ thể.

+ Tổng hợp, đánh giá tình hình sự cố và Báo cáo các cơ quan thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

❖ Đội ứng phó sự cố chất thải:

+ Chỉ đạo, huy động toàn bộ lực lượng tham gia ứng phó sự cố tại hiện trường;

+ Trực tiếp tham gia các hoạt động ứng phó bằng toàn bộ nhân lực, trang thiết bị và kỹ năng vận hành.

+ Khoanh vùng sự cố tranh lây lan sang các vùng lân cận.

+ Di dời tài sản, người bị nạn (nếu có) đến nơi an toàn...

+ Giám sát toàn bộ quá trình khắc phục các sự cố cho đến khi hệ thống hoạt động trở lại bình thường.

+ Tuân theo sự chỉ đạo của Trưởng Ban, Phó Trưởng ban chỉ huy ứng phó sự cố.

+ Báo cáo Trưởng ban, Phó ban về tình hình sự cố để báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền.

❖ **Bộ phận An toàn Môi trường:**

+ Tham mưu Trưởng/phó ban chỉ huy tổ chức triển khai các phương án tác chiến ứng phó phù hợp với tình hình thực tế tại hiện trường.

+ Chịu phân công, giao trách nhiệm chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong trường hợp được ủy quyền.

+ Tổng hợp, đánh giá tình hình sự cố để báo cáo Trưởng ban hoặc Phó ban thường trực đối với các sự cố quy mô cấp cơ sở, quy mô cấp huyện.

❖ **Bộ phận bảo trì:**

+ Huy động toàn bộ đội bảo trì khẩn cấp trong tình huống có sự cố.

+ Hỗ trợ các hoạt động ứng phó bằng toàn bộ nhân lực, trang thiết bị và kỹ năng bảo trì.

+ Giám sát toàn bộ quá trình khắc phục các sự cố của nhóm bảo trì khẩn cấp cho đến khi hệ thống hoạt động trở lại bình thường.

+ Tư vấn cho trưởng ban ứng phó sự cố các hoạt động bảo trì cần thiết cho quá trình ứng phó sự cố.

❖ **Bộ phận hành chính**

Có trách nhiệm thống kê các thiệt hại, đề xuất phương án tài chính, đảm bảo tài chính trong suốt quá trình diễn ra sự cố và sau khi kết thúc sự cố:

+ Chi phí các cán bộ tham gia ứng cứu sự cố.

+ Kinh phí đơn vị ứng cứu trực tiếp (lực lượng, trang thiết bị ứng cứu).

+ Kinh phí đánh giá tác động môi trường sau sự cố.

+ Thu thập các đơn khiếu nại của người dân về thiệt hại do sự cố gây ra.

+ Tổ chức họp với các bên có liên quan để đưa ra kinh phí bồi thường do sự cố tràn đổ chất thải gây ra.

+ **Y tế** có trách nhiệm chuẩn bị túi thuốc sơ cấp cứu, đảm bảo túi này có đầy đủ thuốc và dụng cụ để sẵn sàng sử dụng khi có tình huống khẩn cấp, kịp thời sơ cấp cứu, di chuyển người gặp nạn đến Bệnh viện gần nhất.

V. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM

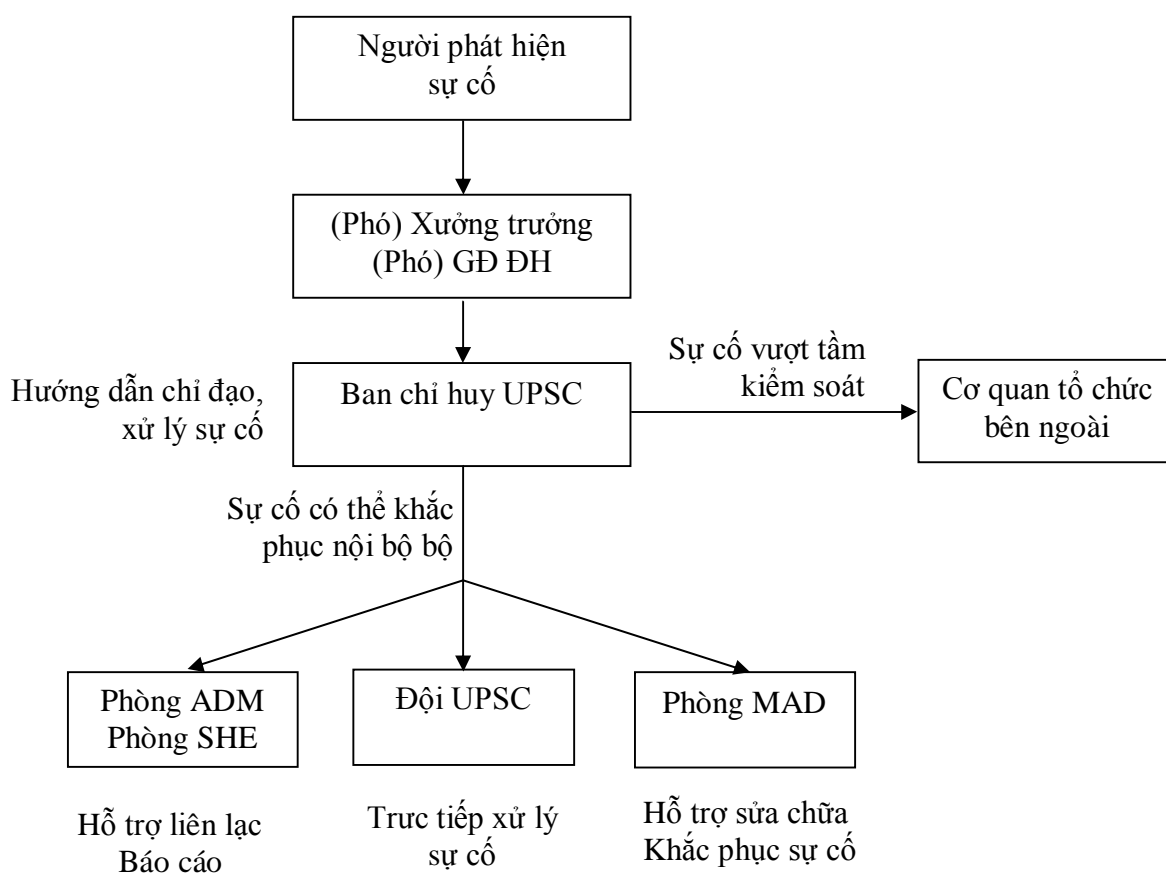
1. Thông tin liên lạc

Khi có sự cố xảy ra, hệ thống thông tin liên lạc của Ban chỉ huy UPSC phải được đảm bảo và thông suốt trong toàn bộ quá trình ứng cứu.

Tất cả các phương tiện thông tin liên lạc (vô tuyến điện, bộ đàm, điện thoại di động...) phải được cung cấp đầy đủ và sử dụng cho công tác ứng phó khẩn cấp.

Danh sách số điện thoại, địa chỉ liên hệ của các Sở, ban ngành trong tỉnh và các cơ quan, đơn vị phối hợp bên ngoài phải được công khai trên phương tiện thông tin truyền thông và thường xuyên cập nhật, bổ sung.

Sơ đồ liên lạc khi có sự cố chất thải



Bảng 19: Danh sách thông tin liên lạc khi xảy ra sự cố được thể hiện trong bảng sau:

STT	Tên	Số điện thoại	Chức vụ
I	DANH SÁCH LIÊN LẠC NỘI BỘ		
1	Nakahori Masaru	0933 869 108	TGD
2	Motoyama Toshiatsu	0933 382 076	Phó TGD

Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải

3	Lê Quang Trung	0933 678 570	Trưởng phòng SHE
4	Trịnh Ngọc Giang	0972 081 147	NV SHE
5	Võ Tấn Hưng	0989 181 738	Trưởng phòng MMS
6	Phan Tới Thọ Hòa	0918 039 460	Trưởng phòng EMS
7	Nguyễn Thanh Vũ	0345 491 059	Phó phòng EMS
8	Cái Viết Hiếu	0908 119 007	Phó GĐĐH
9	Trần Văn Tân	0326 960 218	Phó xưởng trưởng
10	Lê Thành Hưng	0919 251 339	Phó GĐĐH
11	Lê Phúc Hợp	0382 868 961	Phó xưởng trưởng
12	Nguyễn Khoa Bé	0933 013 591	Phó xưởng trưởng
13	Nguyễn Thành Đức	0944 113 961	Tổ trưởng
14	Lê Văn Trường	0978 814 968	Xưởng trưởng
15	Nguyễn Tài Dương	0908 242 055	Phó Xưởng trưởng
16	Bùi Văn Tư	098 451 5814	Phó GĐĐH
17	Ninh Minh Hậu	0908 691 693	Xưởng trưởng
18	Trần Thanh Phong	0946 810 907	Xưởng trưởng
19	Trịnh Ái	0903 999 216	GĐĐH - ADM
20	Nguyễn Thị Cẩm Tú	0913 809 336	Trưởng phòng ADM
21	Đỗ Phú Cường	0795 935 699	NV y tế
22	Phạm Thanh Hùng	0903 624 247	Đội trưởng Bảo vệ
II	DANH SÁCH LIÊN LẠC CƠ QUAN TỔ CHỨC BÊN NGOÀI		
1	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy - Công an tỉnh Bình Dương	0274.3819799	
2	Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy khu vực Dĩ An	0274. 3734509	
3	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương	0274.3822252	
4	Chi cục bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương	0274.3834766	
5	Sở Công thương tỉnh Bình Dương	0274.3822563	
6	UBND thành phố Dĩ An	0274.3742.846	

7	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Dĩ An	0274.3734849	
8	UBND phường Tân Đông Hiệp	0274.3752047	
9	Điện lực Dĩ An	0274.3939666	
10	Trung tâm y tế thành phố Dĩ An	0274. 3742902	

2. Bảo đảm trang thiết bị ứng phó sự cố chất thải

Thường xuyên kiểm tra định kỳ và bổ sung đầy đủ các trang thiết bị ứng phó sự cố, đảm bảo đầy đủ về số lượng khi có sự cố xảy ra.

Bảo trì bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị ứng phó sự cố, đảm bảo các trang thiết bị hoạt động tốt và luôn trong tình trạng sẵn sàng tham gia ứng phó sự cố.

Ký hợp đồng với đơn vị xử lý chất thải (Công ty Cổ phần Công nghệ An Huy, Công ty Môi trường Sao Việt, Công ty Môi trường Việt Xanh) sẵn sàng hỗ trợ ứng phó sự cố.

Phối hợp với đơn vị lắp đặt hệ thống Xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải (Kobelco, Taikisha...)

3. Bảo đảm vật chất cho đơn vị tham gia ứng phó, khắc phục hậu quả

Công ty luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ bảo hộ lao động, trang thiết bị cần thiết... cho các thành viên tham gia ứng phó sự cố.

Đảm bảo đáp ứng đầy đủ kinh phí, tài chính...trong suốt quá trình ứng phó sự cố và sau khi kết thúc sự cố.

4. Tổ chức y tế, thu dung cấp cứu người bị nạn

Công ty xây dựng phòng y tế riêng, 1 nhân viên y tế và trang bị đầy đủ các dụng cụ cần thiết như: bông, nẹp, gạc, băng ca, bình oxi, thuốc các loại...để sơ cứu tạm thời cho người gặp nạn. Các trang thiết bị, phương tiện sơ cấp cứu đều được kiểm tra định kỳ và rà soát để bảo đảm luôn trong tình trạng sử dụng tốt.

Ký kết hợp đồng với các bệnh viện gần nhất để ứng cứu kịp thời khi có sự cố hoặc tai nạn xảy ra (Hiện tại công ty đang ký Hợp đồng với Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hoàn Mỹ Thủ Đức)

VI. TỔ CHỨC CHỈ HUY

1. Vị trí chỉ huy thường xuyên

- Địa điểm: Văn phòng
- Thành phần: Ban chỉ huy UPSC
- Nhiệm vụ: Chỉ đạo thực hiện

Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải

2. Vị trí chỉ huy tại hiện trường

- Địa điểm: Tại hiện trường nơi xảy ra sự cố
- Thành phần: Đội UPSC (Đội trưởng, đội phó)
- Nhiệm vụ: Đánh giá mức độ sự cố, tham mưu cho Ban chỉ huy, trực tiếp chỉ đạo UPSC

Nơi nhận:

- Ban CHPCTT&TKCN huyện, thị xã ...
- UBND xã, phường, thị trấn;
-

(CHỦ CƠ SỞ)
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, đóng dấu)



The stamp is circular and red. It contains the text: 'M.S.D.N. 3023620', 'CÔNG TY CỔ PHẦN MARUICHI SUN STEEL', and 'TỈNH BÌNH DUƠNG'. A blue handwritten signature is written over the stamp.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
MOTOYAMA TOSHIMITSU

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3700236207

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 04 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 15 tháng 07 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MARUICHI SUN STEEL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MARUICHI SUN STEEL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường ĐT743, khu phố Đông Tác, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3742777

Fax: 0274 3742223

Email: info@maruichisunsteel.com

Website: www.maruichisunsteel.com

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 2.080.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai nghìn không trăm tám mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 208.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HIROYUKI SUZUKI

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 07/02/1946

Dân tộc:

Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TR1889856

Ngày cấp: 01/05/2014

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: 3-4.21, Kitabatake, Abeno, Osaka, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: Đường ĐT743, Khu phố Đông Tác, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

* Họ và tên: NAKAHORI MASARU

Giới tính: Nam

Chức danh: Quyền Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/05/1968 Dân tộc: Quốc tịch: Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TR6549367

Ngày cấp: 08/09/2016 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: 1-35-7-650, Izumi honcho, Komae city, Tokyo, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: Đường ĐT743, Khu phố Đông Tác, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh An

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư bổ sung dây chuyền tole cán nguội 2, công suất 236.000
tấn/năm tại nhà máy sản xuất tole, thép các loại công suất 679.200 tấn/năm
tại đường ĐT 743, khu phố Đông Tác, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An,
tỉnh Bình Dương của Công ty cổ phần Maruichi Sun Steel

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư bổ sung dây chuyền tole cán nguội 2, công suất 236.000 tấn/năm tại nhà máy sản xuất tole, thép các loại công suất 679.200 tấn/năm của Công ty cổ phần Maruichi Sun Steel họp ngày 04 tháng 01 năm 2019 tại hội trường Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư bổ sung dây chuyền tole cán nguội 2, công suất 236.000 tấn/năm tại nhà máy sản xuất tole, thép các loại công suất 679.200 tấn/năm đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm



Văn bản số 01/CV2019 ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Công ty cổ phần Maruichi Sun Steel;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 780./TTr-CCBVMT ngày 28 tháng 02 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư bổ sung dây chuyền tole cán nguội 2, công suất 236.000 tấn/năm tại nhà máy sản xuất tole, thép các loại công suất 679.200 tấn/năm tại đường ĐT 743, khu phố Đông Tác, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty cổ phần Maruichi Sun Steel với các nội dung chính sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1 Vị trí thực hiện: đường ĐT 743, khu phố Đông Tác, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.2 Ngành nghề hoạt động: sản xuất tole, thép các loại.

1.3 Quy mô: sản xuất tole, thép các loại với công suất 679.200 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1 Các yêu cầu về xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1$) và nước thải sản xuất đạt quy chuẩn QCVN 52:2013/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1$) trước khi thải ra môi trường;

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép (QCVN 51:2013/BTNMT).

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT);

- Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8

năm 2016 và Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.2 Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.3 Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Tình trạng máy móc, thiết bị của dự án đầy đủ chuyên môn phải đảm bảo mới 100%, có công suất phù hợp với công suất hoạt động của dự án.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải và giám sát nước thải tự động theo quy định tại Điều 71 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án nêu tại Điều 1 của Quyết định này và các nội dung về bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./x

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở XD, Sở CT;
- UBND thị xã Dĩ An;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, CCBVMT, Nhien.5

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hồng Nguyên



Người ký: Sở Tài nguyên và Môi trường
Email: sotnmt@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bình Dương
Thời gian ký: 18.01.2023 10:16:34
+07:00

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *14* /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày *18* tháng *01* năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 01/CV2023 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Công ty cổ phần Maruichi Sun Steel và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số *162* /TTr-CCBVMT ngày *16* tháng *01* năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Maruichi Sun Steel, địa chỉ tại đường ĐT743, khu phố Đông Tác, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất tole, thép các loại, công suất 630.000 tấn/năm với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất tole, thép các loại.

1.2. Địa điểm hoạt động: đường ĐT743, khu phố Đông Tác, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 3700236207 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 04 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 15



Handwritten signature

tháng 07 năm 2021; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 543102991 do Sở Kế hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 13 ngày 03 tháng 6 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 3700236207.

1.5 Nhà máy sản xuất tole, thép các loại đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 225/QĐ-STNMT ngày 01 tháng 03 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất tole, thép các loại.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích dự án: 294.315,7 m².

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 630.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Maruichi Sun Steel:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

2. Công ty cổ phần Maruichi Sun Steel có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh

H. C. N
SỞ
TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG
H. D.

nd

tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, Khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Cơ sở phải ngừng hoạt động, di dời hoặc chuyển đổi công năng đúng thời gian khi có quyết định di dời của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (từ ngày 18 tháng 01 năm 2023 đến ngày 18 tháng 01 năm 2030).

Giấy phép môi trường thành phần, gồm: Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 459/GXN-STNMT ngày 13 tháng 02 năm 2014, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 441/GXN-STNMT ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 11/GP-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND thành phố Dĩ An;
- Công ty cp Maruichi Sun Steel;
- Công Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Mh6.

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **MH** /GPMT-STNMT ngày **18** tháng **01** năm **2023** của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

TT	Nguồn phát sinh nước thải	
1	Nguồn nước thải số 1	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực kho ống – xưởng thép ống
2	Nguồn nước thải số 2	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực máy phân sợi – xưởng thép ống
3	Nguồn nước thải số 3	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực bảo trì – xưởng thép ống
4	Nguồn nước thải số 4	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực văn phòng – xưởng thép ống
5	Nguồn nước thải số 5	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực bên hông xưởng sản xuất ống thép dây chuyền số 1 và 2
6	Nguồn nước thải số 6	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực khu vực đầu xưởng – xưởng 16 inch
7	Nguồn nước thải số 7	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực khu vực giữa xưởng – xưởng 16 inch
8	Nguồn nước thải số 8	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực khu vực xưởng tráng kẽm 1

9	Nguồn nước thải số 9	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực khu vực xưởng tráng kẽm 2
10	Nguồn nước thải số 10	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực khu vực xưởng mạ màu 1
11	Nguồn nước thải số 11	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực khu vực xưởng mạ màu 2
12	Nguồn nước thải số 12	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực khu vực văn phòng – xưởng inox
13	Nguồn nước thải số 13	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực khu vực nhà ở chuyên gia
14	Nguồn nước thải số 14	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực khu vực văn phòng của Công ty
15	Nguồn nước thải số 15	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực khu vực nhà ăn
16	Nguồn nước thải số 16	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực khu vực phòng y tế
17	Nguồn nước thải số 17	Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại nhà vệ sinh khu vực trạm điện 110kV
18	Nguồn nước thải số 18	Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại của Công ty Cổ phần Nippon SanSo Việt Nam (theo hợp đồng số VJG-09-A38 ngày 02/05/2012)
19	Nguồn nước thải số 19	Nước thải tẩy rửa axit cho tole cuộn - Xưởng tẩy rửa axit
20	Nguồn nước thải số 20	Nước thải từ tháp tuần hoàn tái sinh axit ARP

KHOA
TÀI
MỤC
KHOA

uoh

21	Nguồn nước thải số 21	Nước thải từ quá trình cán nguội - Xưởng cán nguội 1
22	Nguồn nước thải số 22	Nước thải từ quá trình cán nguội - Xưởng cán nguội 2
23	Nguồn nước thải số 23	Nước thải từ quá trình rửa sạch sau khi rửa alkali - Xưởng tráng kẽm 1
24	Nguồn nước thải số 24	Nước thải từ quá trình rửa tole (công đoạn skinpass) - Xưởng tráng kẽm 1
25	Nguồn nước thải số 25	Nước thải từ quá trình rửa sạch sau khi rửa alkali - Xưởng tráng kẽm 2
26	Nguồn nước thải số 26	Nước thải từ quá trình rửa tole (công đoạn skinpass) - Xưởng tráng kẽm 2
27	Nguồn nước thải số 27	Nước thải từ quá trình chổi đánh - Xưởng mạ màu 2
28	Nguồn nước thải số 28	Nước thải rửa lại sau khi làm sạch tole - Xưởng mạ màu 2

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh T5A → suối Siệp → sông Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 điểm trên đường Hai Bà Trưng.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3⁰): X (m) = 1206728,026; Y (m) = 612509,325.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 800 m³/ngày.đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý sẽ theo hệ thống ống nhựa Ø200mm và cống tròn BTCT Ø300mm sau đó đầu nối vào kênh T5A trên đường Hai Bà Trưng.

- Hình thức xả thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sản xuất thép QCVN 52:2017/BTNMT (cột A, $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$) và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	Độ màu	Pt/Co	50		-
3	pH	-	6 đến 9		Đã lắp đặt
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	27		-
5	COD	mg/L	67,5		Đã lắp đặt
6	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	45		Đã lắp đặt
7	Tổng xianua	mg/L	0,063		-
8	Tổng phenol	mg/L	0,09		-
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,5		-
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	4,5		Đã lắp đặt
11	Tổng nitơ	mg/L	18		-
12	Tổng phốt pho (tính theo N)	mg/L	3,6		-
13	Sunfua	mg/L	0,18		-
14	Florua	mg/L	4,5		-
15	Thủy ngân	mg/L	0,0045		-
16	Chì	mg/L	0,09		-
17	Crom (VI)	mg/L	0,18		-
18	Crom (III)	mg/L	0,045		-
19	Crom tổng	mg/L	0,18		-
20	Cadimi	mg/L	0,045		-
21	Đồng	mg/L	1,8		-
22	Kẽm	mg/L	2,7		-
23	Niken	mg/L	0,18		-
24	Mangan	mg/L	0,9		-
25	Sắt	mg/L	0,9		-
26	Asen	mg/L	0,045		-
27	Clorua	mg/L	450		-
28	Clo dư	mg/L	0,9		-

H.C.N
SỞ
YÊN
RỪNG
H. D.

nh

29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	0,045	-
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/L	0,27	-
31	Tổng PCB	mg/L	0,0027	-
32	Coliform	Vi khuẩn/ 100mL	3.000	-
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	-
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1	-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01 đến nguồn số 18: Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh sẽ được thu gom bằng hệ thống ống nhựa PVC về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 19 đến số 28: Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất được thu gom bằng các ống nhựa PVC, ống kẽm về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 700 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (từ nguồn số 01 đến số 18) → Hồ thu 1, 2 → Bể điều hòa → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương quan trắc chung → Thải ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 100 m³/ngày.đêm (24 giờ).

+ Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ/ngày.

+ Hóa chất sử dụng: Chlorine.

- Công trình xử lý nước thải sản xuất

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất (từ nguồn số 19 đến số 28) → Bể trung hòa 1 → Bể trung hòa 2 → Bể keo tụ → Bể tuyển nổi DAF (tiếp nhận thêm nước rửa bề mặt từ xưởng tole mạ màu số 2, xưởng tole tráng kẽm 1 & 2 và xưởng tole cán nguội 1 & 2) → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể hiếu khí → Bể lắng 2 → Bể nước đã xử lý → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương quan trắc chung → Thải ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 700 m³/ngày.đêm (24 giờ).

+ Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ/ngày.

+ Hóa chất sử dụng: FeCl₃, NaOH, Ca(OH)₂, H₂SO₄, NaOCl, Polymer, PAC.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc chung nước thải sau xử lý (công trình xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất).

- Thông số lắp đặt: pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni, lưu lượng nước thải đầu vào và lưu lượng nước thải đầu ra.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: có tủ lấy mẫu tự động.

- Camera theo dõi: Đã lắp 01 camera quan sát tại mương quan trắc, 01 camera quan sát thiết bị nhà trạm, 02 camera quan sát các hạng mục công trình xử lý.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 03 hồ sự cố cho 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích 1.400m³ (hồ sự cố 1 có thể tích 525 m³, hồ sự cố 2 có thể tích 200 m³, hồ sự cố 3 có thể tích 675 m³); thành các hồ được xây bằng bê tông cốt thép.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép trước khi xả thải, đóng van xả nước thải sau xử lý ra môi trường và ngưng hoạt động sản xuất tại các công đoạn phát sinh nước thải. Nước thải vượt quy chuẩn được bơm về 03 hồ sự cố. Kiểm tra tình trạng hoạt động của các bể xử lý để tìm nguyên nhân và khắc phục sự

cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ các hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định trước khi xả ra môi trường tiếp nhận và Công ty hoạt động sản xuất trở lại.

Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thiết bị, nước thải được bơm về hồ sự cố. Kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị để tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ các hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường theo quy định trước khi xả ra môi trường tiếp nhận. Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý nước thải như máy bơm, máy bơm định lượng, máy thổi khí

Trường hợp mất điện, sử dụng máy phát điện dự phòng để duy trì hoạt động của các hệ thống xử lý.

Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải.

Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm do Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel đã đi vào hoạt động, đồng thời các công trình xử lý nước thải nêu tại Giấy phép môi trường này đã được xác nhận hoàn thành tại các giấy phép môi trường thành phần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

3.2. Đảm bảo phương án đấu nối vào mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành các hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng

điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 01 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

IN VI
N VÀ
ÔNG
DUON

uoh

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 14 /GPMT-STNMT ngày 18 tháng 01 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

TT	Nguồn phát sinh khí thải	
01	Nguồn khí thải số 01	Khí thải phát sinh từ hệ thống tuần hoàn tái sinh axit.
02	Nguồn khí thải số 02	Hơi dầu phát sinh từ máy cán nguội - xưởng tole cán nguội 1.
03	Nguồn khí thải số 03	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn sơn, sấy sau khi phun sơn tole - xưởng tole mạ màu 2.
04	Nguồn khí thải số 04	Hơi axit phát sinh từ dây chuyền tẩy rửa axit.
05	Nguồn khí thải số 05	Hơi hóa chất phát sinh trong quá trình tẩy rửa alkali của xưởng tole tráng kẽm 1.
06	Nguồn khí thải số 06	Hơi hóa chất phát sinh trong quá trình tẩy rửa alkali của xưởng tole tráng kẽm 2.
07	Nguồn khí thải số 07	Hơi crom phát sinh từ bề phủ crom của xưởng tole tráng kẽm 2.
08	Nguồn khí thải số 08	Hơi dầu phát sinh từ máy cán nguội - xưởng tole cán nguội 2.
09	Nguồn khí thải số 09	Bụi công đoạn hàn mép nguyên liệu của dây chuyền sản xuất thép ống số 1.
10	Nguồn khí thải số 10	Bụi công đoạn hàn mép nguyên liệu của dây chuyền sản xuất thép ống số 3.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, bụi:**2.1. Vị trí xả khí thải, bụi:**

ngd

TT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi. chiều 3°)
01	Dòng khí thải số 01	Ống thải số 01 (nguồn số 1)	X= 1206554,618 Y= 612330,470
02	Dòng khí thải số 02	Ống thải số 02 (nguồn số 2)	X= 1206712,999 Y= 612094,721
03	Dòng khí thải số 03	Ống thải số 03 (nguồn số 03)	X= 1206630,257 Y= 612107,628
04	Dòng khí thải số 04	Ống thải số 04 (nguồn số 04)	X= 1206769,669 Y= 612299,018
05	Dòng khí thải số 05	Ống thải số 05 (nguồn số 05)	X= 1206631,759 Y= 612276,637
06	Dòng khí thải số 06	Ống thải số 06 (nguồn số 06)	X= 1206569,696 Y= 612307,569
07	Dòng khí thải số 07	Ống thải số 07 (nguồn số 07)	X= 1206631,635 Y= 612337,642
08	Dòng khí thải số 08	Ống thải số 08 (nguồn số 08)	X= 1206730,749 Y= 612271,928
09	Dòng khí thải số 09	Ống thải số 09 (nguồn số 09)	X= 1206838,278 Y= 611947,846
10	Dòng khí thải số 10	Ống thải số 10 (nguồn số 10)	X= 1206868,501 Y= 611987,319

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 7.300 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 120.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 96.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 9.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 150.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 09: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 630 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 10: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 630 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, ống thải và xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép QCVN 51:2017/BTNMT (giai đoạn 2023-2025: cột A₁; giai đoạn 2026-2029: cột A₂; giai đoạn 2030 trở đi: cột A₃; với K_p = 0,9; K_v = 0,8) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT (cột B, K_p = 0,9; K_v = 0,8), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép			Tần suất quan trắc định kỳ
			Từ năm 2023 đến 2025	Từ năm 2025 đến 2029	Từ năm 2030	
Dòng khí thải số 01						
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-	03 tháng/lần
2	Nhiệt độ	°C	-	-	-	
3	Bụi	mg/Nm ³	160	80	40	
4	CO	mg/Nm ³	800	400	240	
5	SO ₂	mg/Nm ³	400	400	400	
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680	600	400	
7	HCl	mg/Nm ³	40	40	40	
Dòng khí thải số 02						
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-	03 tháng/lần
2	Phenol	mg/Nm ³	19	19	19	
3	Toluen	mg/Nm ³	750	750	750	
Dòng khí thải số 03						
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-	03 tháng/lần
2	Nhiệt độ	°C	-	-	-	

X.H.C
SỞ
TÀI NGUYÊN
TRUNG
HỌC

uoh

3	Bụi	mg/Nm ³	144	72	36
4	CO	mg/Nm ³	720	360	216
5	SO ₂	mg/Nm ³	360	360	360
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	612	540	360
Dòng khí thải số 04					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-
2	HCl	mg/Nm ³	40	40	40
Dòng khí thải số 05					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-
2	Nhiệt độ	°C	-	-	-
3	Bụi	mg/Nm ³	144	72	36
4	CO	mg/Nm ³	720	360	216
5	SO ₂	mg/Nm ³	360	360	360
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	612	540	360
Dòng khí thải số 06					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-
2	Nhiệt độ	°C	-	-	-
3	Bụi	mg/Nm ³	144	72	36
4	CO	mg/Nm ³	720	360	216
5	SO ₂	mg/Nm ³	360	360	360
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	612	540	360
Dòng khí thải số 07					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-
2	Nhiệt độ	°C	-	-	-
3	Bụi	mg/Nm ³	160	80	40
4	CO	mg/Nm ³	800	400	240
5	SO ₂	mg/Nm ³	400	400	400
6	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680	600	400

N VI
 VÀ
 NG
 JUON

hok

7	Crom và hợp chất (tính theo Crom)	mg/Nm ³	3,2	3,2	3,2
8	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	40	40	40
Dòng khí thải số 08					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-
2	Phenol	mg/Nm ³	19	19	19
3	Toluen	mg/Nm ³	750	750	750
Dòng khí thải số 09					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	160	80	40
Dòng khí thải số 10					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	160	80	40

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh được thu gom và phát tán qua ống thải cao 28m, D670mm.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh được thu gom và phát tán qua ống thải hình chữ nhật dài 1,42 m, rộng 1,064 m.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh được thu gom và phát tán qua ống thải cao 18m, D1.500mm.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh được thu gom và phát tán qua ống thải cao 16m, D1.275mm.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh được thu gom và phát tán qua ống thải cao 6m, D280mm.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh được thu gom và phát tán qua ống thải cao 9,5m, D940mm.
- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh được thu gom và phát tán qua ống thải cao 11m, D500mm.
- Nguồn số 08: Khí thải phát sinh được thu gom và phát tán qua ống thải hình chữ nhật dài 1,8 m, rộng 1,5 m.
- Nguồn số 09: Khí thải phát sinh được thu gom và phát tán qua ống thải cao 8m, D500mm.

- Nguồn số 10: Khí thải phát sinh được thu gom và phát tán qua ống thải cao 12m, D500mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Công trình xử lý số 01:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Axit HCl và các rỉ sét → Buồng đốt bằng khí LPG (phát sinh hơi axit) → Cyclone lắng bụi → Hệ thống 4 tháp hấp thụ màng nước → Thải ra môi trường qua ống thải (ống thải cao 28 m, đường kính 670 mm).

+ Công suất quạt hút: 7.300 m³/giờ.

- Công trình xử lý số 02:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dầu → Chụp hút → Hệ thống đường ống có vách ngăn → Quạt hút → Dầu được thu hồi và khí sạch thoát ra môi trường qua ống thải (ống thải hình chữ nhật làm bằng thép tấm hàn có kích thước dài 1,42 m, rộng 1,064 m).

+ Công suất quạt hút: 120.000 m³/giờ.

- Công trình xử lý số 03:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi → Buồng sấy → Hệ thống ống hút → Buồng đốt bằng khí LPG (tận dụng nhiệt để sấy sản phẩm) → Thải ra môi trường qua ống thải (ống thải cao 18 m, đường kính 1.500 mm).

+ Công suất quạt hút: 96.000 m³/giờ.

- Công trình xử lý số 04:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi axit → Chụp hút → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng dung dịch Ca(OH)₂ 2% → Thải ra môi trường qua ống thải (ống thải cao 16 m, đường kính 1.275 mm).

+ Công suất quạt hút: 2.500 m³/giờ.

- Công trình xử lý số 05:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi hóa chất → Chụp hút → Hấp thụ than hoạt tính → Thải ra môi trường qua ống thải (ống thải cao 6 m, đường kính 280 mm).

+ Công suất quạt hút: 30.000 m³/giờ.

- Công trình xử lý số 06:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi hóa chất → Chụp hút → Quạt hút → Hấp thụ màng nước → Thải ra môi trường qua ống thải (ống thải cao 9,5 m, đường kính 940mm).

+ Công suất quạt hút: 30.000 m³/giờ.

- Công trình xử lý số 07:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi Crom → Chụp hút → Quạt hút → Hấp thụ

màng nước → Thải ra môi trường qua ống thải (ống thải cao 11 m, đường kính 500mm).

+ Công suất quạt hút: 9.000 m³/giờ.

- Công trình xử lý số 08:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dầu → Chụp hút → Hệ thống đường ống có vách ngăn → Quạt hút → Dầu được thu hồi và khí sạch thoát ra môi trường qua ống thải (ống thải hình chữ nhật làm bằng thép tấm hàn có kích thước dài 1,8 m, rộng 1,5 m).

+ Công suất quạt hút: 150.000 m³/giờ.

- Công trình xử lý số 09:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Hệ thống lọc bụi túi vải → Thải ra môi trường qua ống thải (ống thải cao 8 m, đường kính 500 mm).

+ Công suất quạt hút: 630 m³/giờ.

- Công trình xử lý số 10:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Hệ thống lọc bụi túi vải → Thải ra môi trường qua ống thải (ống thải cao 12 m, đường kính 500 mm).

+ Công suất quạt hút: 630 m³/giờ.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi. Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống. Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động để có biện pháp xử lý kịp thời. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý bụi thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng bụi thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả bụi thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố và khi kết quả phân tích bụi đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường sẽ hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

nd

10 tháng 01 năm 2022. Dự kiến vận hành thử nghiệm là 03 tháng kể từ ngày 01/06/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả bụi thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình xử lý bụi công đoạn hàn mép nguyên liệu của dây chuyền sản xuất thép ống 1 (nguồn số 09).

- Công trình xử lý bụi công đoạn hàn mép nguyên liệu của dây chuyền sản xuất thép ống 3 (nguồn số 10).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)
01	Tại ống thải của công trình xử lý bụi công đoạn hàn mép nguyên liệu của dây chuyền sản xuất thép ống 1.	X= 1206710,712 Y= 612267,732
02	Tại ống thải của công trình xử lý bụi công đoạn hàn mép nguyên liệu của dây chuyền sản xuất thép ống 3.	X= 1206588,193 [^] Y= 612281,924

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3.1. Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý bụi thải

- Thời gian đánh giá: ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.
- Tần suất quan trắc: 15 ngày/lần (06 lần).
- Loại mẫu: mẫu tổ hợp.
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi.

2.3.2 Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý bụi thải

- Thời gian đánh giá: 07 ngày liên tiếp, sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (07 lần).
- Loại mẫu: Mẫu đơn
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm

V. VI
VÀ
T. G
JONG

ng

đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **NH/GPMT-STNMT** ngày **18** tháng **01** năm
2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

TT	Nguồn tiếng ồn, độ rung	
01	Nguồn số 01	Khu vực xưởng thép ống dây chuyên 1-2.
02	Nguồn số 02	Khu vực xưởng thép ống dây chuyên 3-7.
03	Nguồn số 03	Khu vực xưởng thép ống 16 inch
04	Nguồn số 04	Khu vực tẩy rửa axit
05	Nguồn số 05	Khu vực xưởng cán nguội 1
06	Nguồn số 06	Khu vực xưởng cán nguội 2
07	Nguồn số 07	Khu vực xưởng tole tráng kẽm 1
08	Nguồn số 08	Khu vực xưởng tole tráng kẽm 2
09	Nguồn số 09	Khu vực xưởng tole mạ màu 2

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)
01	Nguồn số 01	X= 1206731,375 Y= 611967,668
02	Nguồn số 02	X= 1206866,969 Y= 611992,244
03	Nguồn số 03	X= 1206706,858 Y= 611848,913
04	Nguồn số 04	X= 1206763,394 Y= 612308,004
05	Nguồn số 05	X= 1206704,620 Y= 612362,867
06	Nguồn số 06	X= 1206727,803 Y= 612283,964
07	Nguồn số 07	X= 1206698,005 Y= 612206,880
08	Nguồn số 08	X= 1206642,046 Y= 612178,754

T
A
M
H

uoh

09	Nguồn số 09	X= 1206596,229 Y= 612107,628
----	-------------	---------------------------------

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Các máy móc thiết bị được lắp đặt đệm cao su để giảm ồn và rung.
- Bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo định kì và sửa chữa khi cần thiết (thay dầu bôi trơn các máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới máy móc).
- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân:
 - + Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.
 - + Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.
 - + Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **18** /GPMT-STNMT ngày **18** tháng **01** năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Ký hiệu phân loại	Khối lượng chất thải (tấn/năm)
1	Bùn thải có thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải.	12 06 05	Rắn	KS	854
2	Axit tẩy thải.	07 01 01	Lỏng	NH	380
3	Bazơ tẩy thải.	07 01 03	Lỏng	NH	144
4	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải (xi bột thải).	07 02 01	Rắn	NH	118
5	Phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lần đầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác (Phôi bảo, mặt cưa).	07 03 11	Rắn	KS	551
6	Xi hàn các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại (Thuốc hàn tole).	07 04 02	Rắn	KS	2,4
7	Dung môi thải.	08 01 01	Lỏng	KS	87
8	Hộp chứa mực in thải.	08 02 04	Rắn	KS	1,2
9	Vật liệu cách nhiệt có amiăng thải.	11 06 01	Rắn	KS	3,5
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải.	12 01 04	Rắn	NH	1,2
11	Bóng đèn huỳnh quang thải.	16 01 06	Rắn	NH	1,3

VI
N VÀ
Đ
DU

ndu

12	Các thiết bị, linh kiện điện tử hoặc các thiết bị điện.	16 01 13	Rắn	NH	0,7
13	Dầu thủy lực thải.	17 01 06	Lỏng	NH	7
14	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	17 02 03	Lỏng	NH	1.070
15	Bao bì cứng thải bằng kim loại.	18 01 02	Rắn	KS	251
16	Bao bì nhựa cứng hóa chất thải (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải.	18 01 03	Rắn	KS	120
17	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	Rắn	KS	209
18	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại.	19 05 03	Lỏng	KS	83
19	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại.	19 05 04	Lỏng	KS	2,1
20	Ắc quy chì thải.	19 06 01	Rắn	NH	0,5
21	Pin.	19 06 05	Rắn	NH	0,05
22	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn).	13 01 01	Rắn/ lỏng	NH	0,05
Tổng khối lượng			-		3.887

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (Tấn/năm)
1	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH)	18 01 06	7
2	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	18 01 05	40
3	Phế liệu sắt thép các loại	05 01 05	26.446
4	Bột sắt (Fe_2O_3)	05 01 05	3.018
5	Xi nhôm, kẽm rắn	05 01 05	941
6	Palet gỗ hỏng	12 08 08	132
7	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ	19 12 01	179

Tổng khối lượng	-	30.763
------------------------	---	---------------

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	158
	Tổng khối lượng	158

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải:

- Đối với các chất thải dạng lỏng công ty tận dụng thùng phuy chứa nguyên liệu 200 lít và bồn 1 m³, có nắp đậy và được dán mã riêng biệt với từng loại chất thải.
- Đối với bùn thải: Bùn thải định kỳ được ép khô và sẽ được công nhân đóng bao.
- Đối với 14 mã chất thải nguy hại dạng rắn còn lại Công ty có trang bị các phương tiện lưu chứa thích hợp như: phuy, pallet,...

2.1.2. Nhà lưu chứa chất thải:

- Diện tích nhà lưu chứa chất thải: 300 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà:
 - + Cấu tạo: có mái tole che nắng che mưa, nền xi măng chống thấm, vách bằng tole, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.
 - + Tầng cao: 01 tầng chia 3 ngăn (mỗi ngăn có diện tích 100m²).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa chất thải: Đã trang bị 140 thùng sắt với thể tích 3,9m³ và 50 pallet.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà:
 - + Diện tích nhà lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 2.560 m².
 - + Cấu tạo: Nhà lưu chứa chất thải có tường xây gạch và mái che, nền bê tông cốt thép.
 - + Tầng cao: 01 tầng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa chất thải:

Thùng rác: thùng nhựa HDPE 20 lít, thùng nhựa HDPE 60 lít, thùng nhựa HDPE 240 lít.



ng

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

K.H
S
NGU
I TF
FIN

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 147 /GPMT-STNMT ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

B. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Các nội dung tiếp tục thực hiện: Xây dựng hệ thống xử lý bụi công đoạn hàn mép nguyên liệu của dây chuyền sản xuất thép ống số 1 và công trình xử lý bụi công đoạn hàn mép nguyên liệu của dây chuyền sản xuất thép ống số 3 theo Văn bản số 3580/STNMT-CCBVM ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh các thay đổi so với nội dung báo cáo ĐTM đã được duyệt của Công ty Công ty cổ phần Maruichi Sun Steel, cụ thể như sau:

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi công đoạn hàn mép nguyên liệu của dây chuyền sản xuất thép ống số 1, công suất thiết kế 630 m³/giờ như sau: Bụi → Chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Hệ thống lọc bụi túi vải → Ống khói (cao 8m, đường kính 500mm).

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi công đoạn hàn mép nguyên liệu của dây chuyền sản xuất thép ống số 3, công suất thiết kế 630 m³/giờ như sau: Bụi → Chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Hệ thống lọc bụi túi vải → Ống khói (cao 12m, đường kính 500mm).

- Khí thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép QCVN 51:2017/BTNMT (giai đoạn 2023-2025: cột A1; giai đoạn 2026-2029: cột A2; giai đoạn 2030 trở đi: cột A3; với $K_p = 0,9$; $K_v = 0,8$).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

C.N.L
ĐƠN VỊ
KINH
DỊCH

ushe

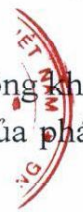
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

5. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố về môi trường xảy ra do triển khai và vận hành cơ sở.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.

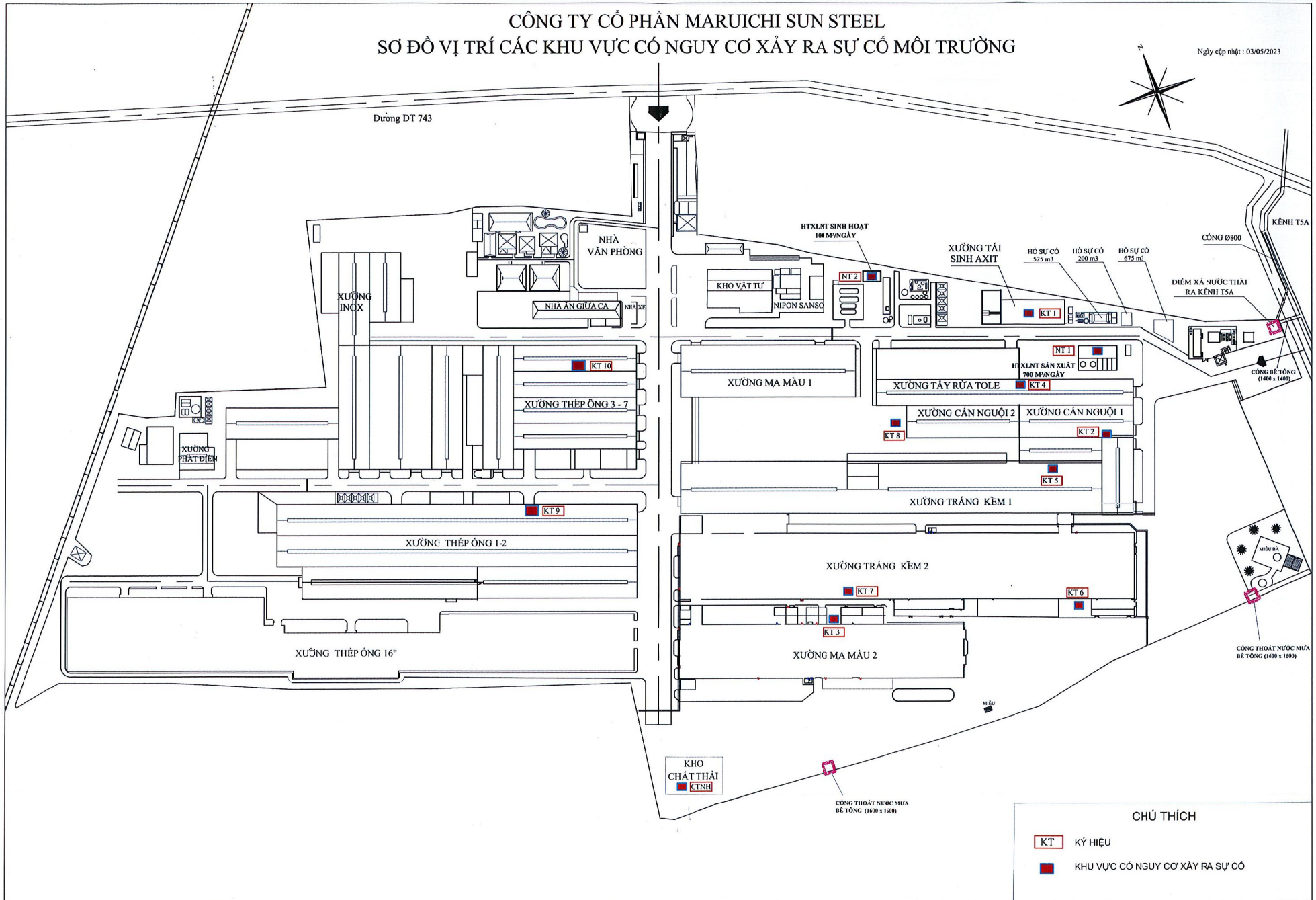


nd

CÔNG TY CỔ PHẦN MARUICHI SUN STEEL

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CÁC KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XÂY RA SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Ngày cập nhật: 03/05/2023



CHÚ THÍCH

KT	KÝ HIỆU
	KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XÂY RA SỰ CỐ